

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH
HOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 46 / CV- VH/ 2012

TP.HCM, ngày 26 tháng 4 năm 2012

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã nộp Báo Cáo Thường Niên năm 2011 bằng file pdf đề Sở Giao Dịch Chứng Khoán công bố thông tin trên website của Sở Giao Dịch Chứng Khoán . Nay, trong quá trình kiểm tra, chúng tôi phát hiện một số lỗi chính tả nhỏ trên file BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN năm 2011 đã nộp do sơ xuất trong khâu đánh máy . Với mong muốn gửi đến nhà đầu tư Báo Cáo Thường Niên toàn diện về mặt hình thức , công ty Vĩnh Hoàn xin gửi lại file pdf đã hiệu chỉnh lỗi chính tả chính kèm . Rất mong sự hỗ trợ và chấp nhận của quý cơ quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Từ năm 2006, Vĩnh Hoàn thực hiện chiến lược phát triển bền vững bằng việc áp dụng và đạt chứng chỉ ISO 14001 về hệ thống quản lý môi trường (Environmental Management System). Vĩnh Hoàn là công ty duy nhất chính thức được xác nhận về sự chuẩn hoá mô hình nuôi cá tra theo tiêu chuẩn GlobalGAP cho toàn bộ chuỗi giá trị từ trại giống, vùng nuôi, nhà máy thức ăn và nhà máy chế biến bởi tổ chức chứng nhận quốc tế BUREAU VERITAS CERTIFICATION (BVC). Vĩnh Hoàn không ngừng nỗ lực thực hiện chính sách bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

MỤC LỤC

- 6 Thư Ngỏ Của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
- 8 Lịch Sử Hoạt Động
- 14 Phân Tích SWOT
- 16 Các Thành Tựu Nổi Bật
- 20 Các Sự Kiện Trong Năm
- 24 Sản Phẩm
- 29 Báo Cáo Của Hội Đồng Quản Trị
- 35 Các Công Ty Con
- 40 Văn Hóa Doanh Nghiệp
- 41 Sơ Đồ Tổ Chức Công Ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn
- 52 Thông Tin Cổ Đông Và Quản Trị Công Ty
- 60 Bản Đồ Thị Trường
- 62 Báo Cáo Của Ban Giám Đốc
- 67 Kế Hoạch Năm 2012
- 68 Báo Cáo Của Ban Kiểm Soát
- 77 Báo Cáo Tài Chính

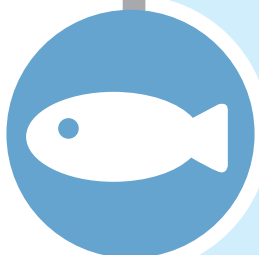


PERFORMANCE

-Tổng quan hoạt động kinh doanh

Vĩnh Hoàn nỗ lực liên tục để hướng đến sự phát triển trên cơ sở cân bằng các yếu tố cơ bản: môi trường bền vững (Environment - Planet); xã hội bền vững (Social - People) và kinh tế bền vững (Economy - Profit). Đối với chúng tôi, lợi nhuận trong kinh doanh là quan trọng nhưng đạo đức kinh doanh mới là nền tảng vững chắc cho sự phát triển.

Năm 2011 tiếp tục là một năm thành công về tăng trưởng lợi nhuận của Vĩnh Hoàn, đồng thời là một bước phát triển đáng kể về tính bền vững trong kinh doanh.



PRODUCT

-Sản phẩm nổi bật

Tận dụng lợi thế gần gũi với ngành kinh doanh chính - cá tra - công ty phát triển thêm một số sản phẩm từ ngành kinh doanh phụ, tận dụng lợi thế gần gũi với ngành kinh doanh chính và tiến thêm một bước trong việc khép kín quy trình.

Sản phẩm bền vững từ nuôi trồng sản xuất cá tra, gạo, collagen, bột cá, mỡ cá, v.v... trên cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn nuôi trồng bền vững tiên tiến trên thế giới như AQUAGAP, GLOBAL GAP, BAP, ASC.



PEOPLE

-Vĩnh Hoàn: Nơi trân trọng những tài năng

Vĩnh Hoàn xây dựng tương lai trên sự thịnh vượng chung cho tất cả mọi người, đảm bảo sự phát triển công bằng xã hội, đảm bảo quyền lợi của nhân viên và đóng góp cho cộng đồng.



PLANET

-Hành tinh xanh

Bảo vệ môi trường tự nhiên của hệ sinh thái, phát triển trên cơ sở bảo toàn thiên nhiên, tài nguyên, và quản lý các loại chất thải. Kinh doanh đối với chúng tôi gắn liền với trách nhiệm môi trường.



PROFIT

-Tối ưu lợi nhuận

Sử dụng tối ưu các nguồn lực, quản lý tốt chi phí với chiến lược kinh doanh đúng đắn nhằm tạo ra lợi nhuận tối đa cho công ty trên cơ sở đảm bảo sự hài hòa sự phát triển của công ty gắn liền với lợi ích cộng đồng và bảo vệ môi trường cho thế hệ tương lai.





PERFORMANCE

-Tổng quan hoạt động kinh doanh

Vĩnh Hoàn nỗ lực liên tục để hướng đến sự phát triển trên cơ sở cân bằng các yếu tố cơ bản: môi trường bền vững (Environment - Planet); xã hội bền vững (Social - People) và kinh tế bền vững (Economy - Profit). Đối với chúng tôi, lợi nhuận trong kinh doanh là quan trọng nhưng đạo đức kinh doanh mới là nền tảng vững chắc cho sự phát triển.

Năm 2011 tiếp tục là một năm thành công về tăng trưởng lợi nhuận của Vĩnh Hoàn, đồng thời là một bước phát triển đáng kể về tính bền vững trong kinh doanh.

THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Kính thưa các quý vị cổ đông,

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị, tôi xin mở đầu bản báo cáo thường niên này bằng những thành quả tóm tắt của năm 2011 như sau:

- Doanh thu thuần tăng 36%
- Lợi nhuận tăng 80%
- Giá trị xuất khẩu đạt 154 triệu USD, giữ vị trí đầu ngành

Vậy là chúng ta đã vươn đến một nấc cao mới về hiệu quả kinh doanh. Kết quả nói trên là sự nối tiếp những thành công của các năm trước dựa trên những giá trị cốt lõi và mô hình kinh doanh mà chúng ta đã tạo dựng và phát triển một cách vững chắc.

Những giá trị đó là quản trị dựa trên thu hút, đào tạo và khích lệ đúng mức nguồn nhân sự giỏi, là sản xuất dựa trên các nguyên tắc cứng rắn về quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm, là mua bán có đạo đức và uy tín. Mô hình kinh doanh mà chúng ta đã thực hiện thành công là quản lý chặt chẽ và tối



ưu hóa hiệu quả kinh tế của nguồn nguyên liệu bằng hệ thống sản xuất khép kín, cải thiện từng bước và từng yếu tố của quy trình để cuối cùng tạo ra được những sản phẩm tốt với chi phí cạnh tranh.

Năm 2011 tiếp tục là một năm bận rộn và vất vả của ban lãnh đạo và toàn thể công nhân viên Vĩnh Hoàn khi cùng lúc công ty khởi động mạnh mẽ các dự án mới. Những cơ sở sản xuất đầu tiên của dự án gạo và dự án collagen đã được hình thành. Ban dự án đang xúc tiến nhanh chóng và quyết liệt các bước tiếp theo để hoàn tất việc xây dựng các nhà máy chế biến với mong muốn đóng góp vào doanh thu và lợi nhuận của công ty trong thời gian sớm nhất có thể. Đây là thử thách không nhỏ nhưng cũng là niềm hứng khởi cho những người điều hành trực tiếp và toàn bộ công nhân viên của công ty. Tôi hi vọng rằng các dự án kinh doanh mới sẽ tạo thêm niềm tin và động lực cho các nhà đầu tư đang và sẽ đầu tư vào Vĩnh Hoàn.

Năm 2012 chắc chắn sẽ không ít khó khăn và thách thức. Thử thách của chúng ta sẽ càng lớn khi thực hiện các dự án đầu tư dài hạn trong tình hình kinh tế chung có nhiều sút

giảm. Do đó thành công năm vừa qua sẽ không làm chúng ta chủ quan mà đó chính là cơ sở và động lực để ban lãnh đạo cùng toàn thể mấy ngàn công nhân viên Vĩnh Hoàn tiếp tục nỗ lực hoạt động cho năm nay và những năm tiếp theo.

Thay mặt cho ban điều hành công ty, tôi cảm ơn các quý vị cổ đông, nhà đầu tư đã tin tưởng và tạo điều kiện cho chúng tôi làm việc hiệu quả trong các năm qua để liên tục có được những thành công nối tiếp, tạo nền tảng cho bước phát triển trong tương lai.

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị

Chủ tịch HĐQT
Trương Thị Lệ Khanh

● LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

Thành lập công ty TNHH Vĩnh Hoàn.

Xí nghiệp chế biến thủy sản đầu tiên tại Thị Xã Cao Lãnh, Đồng Tháp đi vào hoạt động.

1997

1999



2007

2008

Thành lập Công Ty Vĩnh Hoàn tại California, Mỹ;

Thành lập Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Thủy Sản Vĩnh Hoàn 1;

Chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

Xây dựng chương trình nuôi GREEN FARM cho các trại cá tra.

Được cấp mã số xuất khẩu sang thị trường Châu Âu (DL.147).

Đạt chứng chỉ chất lượng ISO 9001: 2000; ISO 14001:2004; BRC: 2005 và IFS version 4.

2000

2006



2009

2010

Đạt giải thưởng SAO VÀNG ĐẤT VIỆT năm 2009;

Nhận chứng chỉ Aquagap về nuôi trồng của tổ chức IMO, Thụy Sĩ;

Phòng kiểm nghiệm của Công ty đạt chứng chỉ ISO/IEC 17025:2005;

Là công ty Việt Nam và công ty Châu Á đầu tiên đạt giải thưởng Dinh Dưỡng và Sức Khỏe tại cuộc thi Seafood Prix d'Elite (Hội Chợ Thủy Sản Châu Âu);

Được Thủ Tướng Chính Phủ tặng bằng khen về thành tích xuất sắc, đạt giải thưởng tại hội chợ thủy sản Châu Âu, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội và Bảo Vệ Tổ Quốc.

Đạt mức thuế chống bán phá giá 0% lần thứ nhất vào thị trường Mỹ theo kết quả điều tra hành chính năm thứ 5 của Bộ Thương Mại Mỹ.

Nhận chứng chỉ GLOBAL GAP về nuôi trồng cá tra;

Nhận chứng chỉ ISO 22000 cho hệ thống quản lý chất lượng.

● LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG



2011

Đạt mức thuế lần thứ hai liên tiếp chống bán phá giá 0% vào thị trường Mỹ theo kết quả điều tra hành chính năm thứ 6 của Bộ Thương Mại Mỹ.

Các giải thưởng trong năm :

- Ngày 29/04/2011: Theo Quyết định số 150/QĐ-CTN ngày 28/01/11 của Chủ tịch nước - Tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba:
Tập thể: Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn
Cá nhân: Bà Trương Thị Lệ Khanh – Tổng giám đốc.
Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 11/01/11 của Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen cho 02 cá nhân:
Ông Huỳnh Đức Trung – Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm – Phó Tổng giám đốc
- 03/05/2011: Vĩnh Hoàn nhận giải thưởng GRAND PRIZE BEST NEW RETAIL PRODUCT AWARD trong chuỗi giải thưởng của Seafood Prix d'Elite 2011 tại hội chợ European Seafood Exhibition 2011 (ESE 2011) ở Brussel, Bỉ.
- 30/05/2011: Vĩnh Hoàn được xếp vào danh sách “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2010” do Bộ Công Thương ban hành theo quyết định số 2640/QĐ-BCT
- 05/07/2011: Nhận giải Báo cáo thường niên tốt nhất trong cuộc bình chọn báo cáo thường niên năm 2011 do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (Hose) tổ chức.
- 12/10/2011, Vĩnh Hoàn nhận giải “Cúp vàng Topten thương hiệu Việt ứng dụng khoa học và Công nghệ” do Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cùng với Liên hiệp các hội Khoa học – Kinh tế Việt Nam phối hợp tổ chức.
- 13/10/2011: Bà Trương Thị Lệ Khanh – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty và Ông Võ Phú Đức – Giám đốc Vĩnh Hoàn 1 nhận danh hiệu “Doanh nhân tiêu biểu tỉnh Đồng Tháp năm 2011”
- 15/10/2011: Lần thứ 3 Vĩnh Hoàn vinh dự đón nhận giải thưởng “Sao Vàng đất Việt năm 2011” do Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam và Hội doanh nhân trẻ Việt Nam đồng tổ chức.



- 28/10/2011: Bà Trương Thị Lệ Khanh – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty đón nhận danh hiệu: Doanh nhân tiêu biểu khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long năm 2011” do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ trao tặng.
- Ngày 01/12/2011 Vĩnh Hoàn được bằng khen của UBND tỉnh Đồng Tháp tặng về việc đã có thành tích xuất sắc trong việc phối hợp thực hiện chính sách BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2007-2011 theo chỉ thị số 02/2006/CT-UBND ngày 13/01/2006 của UBND tỉnh theo quyết định số 425 ngày 01/12/2011.
- Ngày 03/12/2011 Vĩnh Hoàn đoạt giải nhất hội thi “Đôi tay vàng” ngành chế biến thủy sản do Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp với Sở Lao động – Thương binh – Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương và Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh tổ chức.

Các chứng chỉ hướng đến sự phát triển bền vững:

- 17/05/2011: Vĩnh Hoàn 1 (Vĩnh Hoàn Feed) đón nhận giấy chứng nhận Global Gap do Bureau Veritas cấp.
- 15/07/2011: Trại giống cá tra Thới Lai nhận giấy chứng nhận Global Gap do Bureau Veritas cấp.
- Ngày 26/9/2011, Vĩnh Hoàn nhận giấy chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt nhất (tiêu chuẩn BAP – Best Aquaculture Practice) với cấp độ “2 sao” cho nhà máy chế biến và vùng nuôi do GAA (Liên minh thủy sản toàn cầu) cấp. Đây là tiêu chuẩn được sự quan tâm của rất nhiều các nhà bán lẻ và phân phối ở Mỹ.

Sự ra đời của các công ty con:

- 27/7/2011: Thành lập Cty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2 với vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng.
- 21/9/2011: Thành lập Cty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 3 với vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng.
- 26/11/2011, Vĩnh Hoàn đã khởi công xây dựng phân xưởng sản xuất Collagen thực nghiệm tại Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp.
- 2/12/2011: Thành lập Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 với vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng.

● LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG



Các mốc son lịch sử

Vinh Hoàn được thành lập vào ngày 29 tháng 12 năm 1997 tại tỉnh Đồng Tháp, thuộc Đồng Bằng Sông Cửu Long. Trải qua 15 năm phát triển, Công Ty Cổ Phần Vinh Hoàn hiện nay là công ty chế biến và xuất khẩu cá tra, basa hàng đầu của Việt Nam. Thương hiệu Vinh Hoàn chính là lựa chọn ưu tiên của nhà nhập khẩu nước ngoài khi tìm kiếm nhà sản xuất chất lượng cho mặt hàng cá tra, basa fillet và hàng giá trị gia tăng từ cá tra và basa.

Ngay từ ngày thành lập Vinh Hoàn đã xây dựng và phát triển theo một chiến lược toàn diện và bền vững. Vinh Hoàn nỗ lực liên tục để hướng đến sự phát triển bền vững trên cơ sở cân bằng các yếu tố: môi trường-xã hội và kinh tế. Các mốc son trong lịch sử hình thành và phát triển của công ty là những thành quả mà Vinh Hoàn từng bước đạt được về quản lý chất lượng, phát triển thị trường và sản xuất theo chiều sâu, hướng đến mục tiêu bền vững và bảo vệ môi trường.



QUÁ TRÌNH THAY ĐỔI VỐN CỔ PHẦN

THỜI ĐIỂM	HÌNH THỨC PHÁT HÀNH	MỤC ĐÍCH	VỐN TĂNG THÊM	VỐN SAU KHI TĂNG THÊM	THẶNG DỰ VỐN CỔ PHẦN	NGÀY NIÊM YẾT CÓ HIỆU LỰC	NGÀY CHÍNH THỨC GIAO DỊCH
2009-2010	Phát hành cho cổ đông chiến lược	Tái cơ cấu vốn	53,28 tỷ	353,28 tỷ	191,80 tỷ	09/3/2010	15/3/2010
2010	Cổ phiếu ESOP 2008-2009 và cổ phiếu tài trợ chương trình xây nhà ở cho CB-CNV	Khuyến khích nhân tài và hỗ trợ người lao động	9,42 tỷ	362,7 tỷ	-	22/12/2010	28/12/2010
2010	Trả cổ tức năm 2010 tỷ lệ 30% bằng cổ phiếu.	Nâng cao năng lực tài chính	108,81 tỷ	471,51 tỷ	-	22/12/2010	28/12/2010

PHÂN TÍCH SWOT

ĐIỂM MẠNH

1. Ban quản trị tâm huyết với công ty, có bề dày kinh nghiệm và tầm nhìn chiến lược. Đội ngũ cán bộ nhân viên nhiệt tình, kinh nghiệm và gắn bó.
2. Định hướng chiến lược phát triển bền vững và rõ ràng.
3. Thương hiệu sản phẩm Vĩnh Hoàn uy tín trên trường quốc tế về chất lượng hàng hóa, hệ thống quản lý chất lượng. Nhờ đó, công ty xây dựng được hệ thống khách hàng chiến lược thân thiết.
4. Quy trình sản xuất hiện đại và khép kín từ khâu con giống, thức ăn đến sản phẩm đầu ra, nguồn nguyên liệu có chứng nhận quốc tế.
5. Diện tích nuôi trồng lớn, khả năng tự chủ nguồn nguyên liệu cao.

ĐIỂM YẾU

1. Phần giá trị gia tăng chưa chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu sản phẩm nên vẫn còn chịu nhiều áp lực về cạnh tranh giá bán.
2. Lực lượng lao động sản xuất bị cạnh tranh từ trong ngành cũng như ngoài ngành.
3. Thị trường xuất khẩu 70% là Mỹ và EU nên biến động từ các thị trường này có khả năng tác động đến hoạt động công ty trong ngắn hạn.
4. Chưa phát triển cân đối ở các phân khúc thị trường trung bình và thấp để tối ưu hóa năng suất sản xuất và giảm chi phí cố định.
5. Nhân sự quản lý chưa theo kịp sự phát triển sản xuất.

CƠ HỘI

1. Ngành thủy sản Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định, dự kiến tiếp tục tăng trưởng 12% - 15% mỗi năm. Thị trường tiêu thụ cá tra còn nhiều tiềm năng phát triển ngày càng tăng đối với thị trường truyền thống cũng như các thị trường mới. Đặc biệt, phân khúc hàng giá trị gia tăng và các sản phẩm giá trị gia tăng từ nguồn phụ phẩm hứa hẹn mở ra nhiều mảng thị trường mới.
2. Cơ chế, chính sách thuận lợi cho phát triển ngành thủy sản, đặc biệt là chính sách ưu đãi về lãi suất và tín dụng.
3. Vĩnh Hoàn theo đuổi chính sách phát triển bền vững phù hợp với xu hướng thế giới nên có khả năng tiếp cận thị trường mới và dễ dàng vượt qua các rào cản kỹ thuật, tạo lợi thế cạnh tranh so với đối thủ.

THÁCH THỨC

1. Rào cản thương mại tại các thị trường xuất khẩu.
2. Suy thoái kinh tế ở Châu Âu.
3. Biến động về nguyên liệu và chi phí sản xuất.
4. Cạnh tranh ngày càng gay gắt.

● CÁC THÀNH TỰU NỔI BẬT

SO SÁNH VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÙNG NGÀNH (TẠI NGÀY 31/12/2011)

CHỈ TIÊU	VHC	HVG	ANV	AVF	AGF	ACL
Giá trị vốn hóa thị trường (tỷ VND)	1.339	1.327	488	212	275	316
EPS năm 2011	8.389	6.337	1.119	2.527	4.844	6.244
P/E năm 2011	3,3	3,1	6,6	3,7	4,4	2,7
ROA (%)	18,65	8,30	2,27	3,76	4,03	15,12
ROE (%)	36,19	23,54	3,27	15,74	9,47	38,54
Lợi nhuận gộp biên (%)	17,64	15,61	10,26	16,82	13,46	18,70
Lợi nhuận thuần biên (%)	11,70	5,73	3,19	3,41	2,33	9,54

Vĩnh Hoàn – Công ty hàng đầu ngành cá Việt Nam

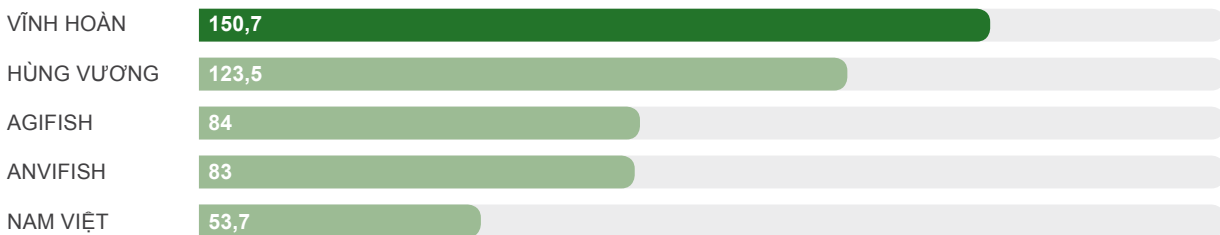
Vĩnh Hoàn dẫn đầu kim ngạch xuất khẩu trong ngành cá

- Giá trị xuất khẩu của Vĩnh Hoàn tăng trưởng bền vững qua từng năm. So với năm 2010, kim ngạch xuất khẩu Vĩnh Hoàn năm 2011 tăng gần 17%.
- Kết thúc năm 2011, tổng kim ngạch xuất khẩu của Vĩnh Hoàn (bao gồm cả phụ phẩm và các mặt hàng khác) đạt hơn 154 triệu USD. Theo thống kê của Vasep, tính riêng cá tra fillet, Vĩnh Hoàn đạt 150 triệu USD, chiếm hơn 8 % tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra cả nước.

DANH SÁCH 5 DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU CÁ TRA HÀNG ĐẦU VIỆT NAM NĂM 2011

DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: triệu USD



GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU

Số liệu: Nguồn VASEP

Trị giá xuất khẩu so với 2010

▲17%

Tổng giá trị xuất khẩu

\$154 TRIỆU

Doanh thu và kim ngạch của Vĩnh Hoàn tăng trưởng mạnh qua các năm

- Không chỉ tăng trưởng trong kim ngạch xuất khẩu, Vĩnh Hoàn còn đạt sự tăng trưởng cao và ổn định trong doanh thu. Năm 2010, doanh thu của Vĩnh Hoàn đạt hơn 3.000 tỷ đồng. Qua năm 2011, doanh thu Vĩnh Hoàn bứt phá ngoạn mục, tăng 37%, cán mốc 4.000 tỷ đồng.

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU VÀ KIM NGẠCH XUẤT KHẨU CỦA VĨNH HOÀN QUA CÁC NĂM

CHỈ TIÊU	2008	2009	2010	2011
Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	101	115	132	154
Tăng trưởng so với năm trước (%)	35%	14%	15%	17%
Doanh thu hợp nhất (tỷ đồng)	2.442	2.785	3.021	4.114
Tăng trưởng so với năm trước (%)	-	14%	8%	36%





Vĩnh Hoàn gia tăng lợi nhuận - kết quả của quy trình sản xuất khép kín

- Vĩnh Hoàn là doanh nghiệp có sự gia tăng ổn định trong lợi nhuận. Việc xây dựng và hoàn thiện quy trình khép kín đã giúp Vĩnh Hoàn quản lý chi phí giá vốn rất hiệu quả, hạn chế tác động từ biến động nguồn nguyên liệu.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2011 là 8.389 đồng/cổ phiếu với lợi nhuận sau thuế năm 2011 đạt 394 tỷ đồng, tăng ngoạn mục 84% so với năm 2010.

Lợi nhuận thuần

VND394 TỶ

Tổng doanh thu so với 2010

▲36%

LỢI NHUẬN VÀ LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU CỦA VĨNH HOÀN QUA CÁC NĂM

CHỈ TIÊU	2008	2009	2010	2011
Lợi nhuận gộp hợp nhất (tỷ đồng)	288	452	587	724
Tăng trưởng so với năm trước (%)	-	57%	30%	23%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông công ty mẹ (tỷ đồng)	80	193	214	394
Tăng trưởng so với năm trước (%)	-	141%	11%	84%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	2.668	4.613	4.573	8.389



ROA

18,65%

ROE

36,19%

Vĩnh Hoàn có mức sinh lời hấp dẫn

- Vĩnh Hoàn là một trong những doanh nghiệp có mức sinh lời cao nhất trong ngành với tỷ suất lợi nhuận ròng trên tài sản (ROA) đạt 18,65% và tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 36,19%.

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN CỦA VĨNH HOÀN QUA CÁC NĂM

CHỈ TIÊU	2008	2009	2010	2011
Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tài sản (ROA)	8,46%	14,15%	12,82%	18,65%
Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE)	20,57%	37,48%	27,12%	36,19%

○ CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM



Vĩnh Hoàn Feed đón nhận chứng nhận Global GAP

Ngày 17/05/2011, tại Cần Thơ, Công ty CP Thức ăn Thủy Sản Vĩnh Hoàn 1, công ty con của Công ty CP Vĩnh Hoàn và Công ty TNHH Wilmar Agro Vietnam, nhà sản xuất cám gạo thương hiệu Cám Vàng, đã ký hợp tác cùng sản xuất thức ăn chăn nuôi mang thương hiệu “Vĩnh Hoàn Feed-Cám Vàng”. Theo đó, mỗi năm, công ty TNHH Wilmar Agro Vietnam cung cấp cho Vĩnh Hoàn 1 khoảng 35 nghìn tấn cám chất lượng cao, trị giá khoảng 200 tỷ đồng để sản xuất thức ăn thủy sản.

Mô hình này nhằm nâng cao chất lượng và khả năng truy xuất nguồn gốc thức ăn cho lĩnh vực nuôi cá Tra, cá Basa xuất khẩu theo hướng bền vững đủ sức đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như Global GAP, ASC, ACC, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường... Ông Võ Phú Đức, Giám đốc Vĩnh Hoàn Feed cho biết sự hợp tác chiến lược này sẽ giúp doanh nghiệp chủ động được nguồn nguyên liệu chất lượng cao để đảm bảo cho nhà máy sản xuất đạt sản lượng 120.000 tấn/năm.

Cũng tại buổi họp báo này, đại diện Bureau Veritas đã trao chứng nhận Global GAP cho Vĩnh Hoàn Feed. Dự kiến, trong tháng 7 tới, trại cá Tra giống lớn nhất Việt Nam của Vĩnh Hoàn cũng sẽ được chứng nhận, góp phần hoàn thiện bộ chứng nhận Global GAP cho qui trình sản xuất khép kín của Vĩnh Hoàn từ con giống, thức ăn thủy sản, nuôi trồng đến nhà máy theo tiêu chuẩn toàn cầu.



Vĩnh Hoàn tích cực trong các hoạt động xã hội

Vĩnh Hoàn luôn coi việc tham gia các hoạt động xã hội, chăm lo cho đời sống cộng đồng là một trong những nét văn hóa truyền thống của Công ty. Tháng 3/2011, Công ty đã trao tặng 50.000 kg gạo, trong đó có 1.000 suất tận tay mang đến trao cho người nghèo ở 7 xã nông thôn vùng sâu của tỉnh Đồng Tháp. Tháng 5/2011, Công ty đã hỗ trợ các trường học trao tặng 10.000 quyển vở cho học sinh nghèo học giỏi nhân dịp tổng kết năm học. Đồng thời vào tháng 8 năm nay, nhân dịp khai giảng năm học mới, công ty trao tặng tổng cộng gần 200.000 quyển tập cho các em học sinh địa phương, con em cán bộ, công nhân viên công ty và Hội khuyến học.

Các hoạt động trên nằm trong chuỗi nhiều hoạt động xã hội mà công ty triển khai thực hiện trong năm nay. Từ đó cho thấy, ngoài việc chú trọng hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty còn hết lòng tập trung chăm lo cho bà con nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Đây là những việc làm thật sự thiết thực, giàu ý nghĩa mà công ty quyết lòng vì cộng đồng xã hội.



Vĩnh Hoàn vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng III

Ngày 29/04/2011, Công ty Vĩnh Hoàn đã long trọng tổ chức buổi lễ đón nhận huy chương lao động hạng ba do Chủ tịch nước trao tặng cho tập thể Công ty và cho cá nhân Bà Trương Thị Lệ Khanh – Tổng giám đốc công ty theo quyết định số 150/QĐ-CTN ngày 28/01/2011 vì những đóng góp quan trọng trong việc đưa hình ảnh con cá tra Việt Nam ra thương trường Quốc tế.

Cũng trong dịp này, Ông Huỳnh Đức Trung và Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm – Hai Phó Tổng Giám Đốc Công ty cũng nhận được Bằng khen của Thủ tướng chính phủ theo Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 11/01/2011.



Vĩnh Hoàn đạt chứng nhận BAP

Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn vừa đạt được chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt nhất (tiêu chuẩn BAP-Best Aquaculture Practice) với cấp độ “2 sao” cho nhà máy chế biến và vùng nuôi. Bộ tiêu chuẩn BAP được quản lý bởi GAA của Mỹ (Liên Minh Nuôi Trồng Thủy Sản Toàn Cầu), là bộ tiêu chuẩn hàng đầu về chứng nhận chuỗi sản xuất và do tổ chức ACC – Hoa Kỳ (Aquaculture Certification Council) cấp chứng nhận. Đây là tiêu chuẩn được sự quan tâm của rất nhiều các nhà bán lẻ và phân phối ở Mỹ vốn là thị trường chính của Vĩnh Hoàn.

Song song với chứng chỉ BAP mới đạt được, hiện tại Vĩnh Hoàn đang duy trì chứng nhận AquaGAP và GlobalGap cho các vùng nuôi, trại giống, nhà máy chế biến và nhà máy thức ăn. Kế hoạch sắp tới của công ty là đăng ký chứng nhận ASC. Vĩnh Hoàn tin rằng xu hướng tiêu dùng sản phẩm có trách nhiệm sẽ ngày càng gia tăng trong tương lai và việc đạt được các chứng nhận quốc tế sẽ giúp các doanh nghiệp tăng khả năng cạnh tranh và tạo dựng vị thế tốt trên thị trường thế giới.



Vĩnh Hoàn đoạt giải nhất hội thi “Đôi tay vàng” chế biến thủy sản

Tháng 11/2011, tại khu Công nghiệp Sa Đéc, Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp với các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh tổ chức hội thi “Đôi tay vàng” chế biến thủy sản tỉnh Đồng Tháp lần III - năm 2011.

84 thí sinh đại diện cho 14 đội thi đến từ 10 doanh nghiệp: Công ty CP chế biến xuất nhập khẩu thủy sản Cadovimex II, Công ty CP Vĩnh Hoàn, Công ty CP Docifish, Công ty CP Á Châu, Công ty TNHH thủy sản Phát Tiến, Công ty TNHH Hùng Cá, Công ty CP Tô Châu, Công ty TNHH Thanh Hùng, Công ty CP xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long và Công ty TNHH MTV Hoàng Long. Sau khi trải qua 4 phần thi: “Tự giới thiệu”, “Tri thức nghề nghiệp”, “Bạn đồng hành”, “Đôi tay vàng” chế biến thủy sản; kết quả, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn dẫn đầu với số điểm cao nhất và đoạt giải nhất toàn đoàn.



Khai trương xưởng thực nghiệm chiết xuất collagen từ da cá tra

Ngày 12/3/2012, Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn tổ chức lễ khai trương xưởng thử nghiệm chiết xuất collagen từ da cá tra tại Cụm công nghiệp Bình Thành (huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp).

Qua thời gian nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm thành công trên qui mô phòng thí nghiệm, phân xưởng sử dụng công nghệ tiên tiến chiết xuất collagen từ da cá tra với quy mô 10 tấn bột phẩm/năm đã chính thức đi vào hoạt động. Tổng vốn đầu tư dự án trên 10 tỷ đồng. Những mẻ sản phẩm đầu tiên của phân xưởng thực nghiệm có chất lượng ổn định và đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật của ngành.

Hệ thống sản xuất thử này là bước tiến thận trọng của Vĩnh Hoàn trong việc tiếp cận một ngành sản xuất mới đòi hỏi công nghệ cao nhằm tiến hành xây dựng tiêu chuẩn cho sản phẩm, kiểm tra thông số kỹ thuật cho hệ thống sản xuất lớn và có lượng sản phẩm mẫu để tiến hành các hoạt động giới thiệu sản phẩm trên thị trường.

Dự án là một phần trong tổ hợp chuỗi hệ thống sản xuất khép kín quy mô lớn nhằm tận dụng hiệu quả nguồn phụ phẩm và phế phẩm, làm gia tăng giá trị lợi nhuận, giảm thiểu tối đa tác động môi trường. Việc sử dụng da cá tra sản xuất sản phẩm collagen được xem là mô hình kinh tế hiệu quả, bởi giá trị của sản phẩm collagen cao gấp 10 lần so với sản phẩm cá phi lê xuất khẩu và tận dụng triệt để nguồn da cá tra vốn là phế phẩm trước đây. Dự kiến nhà máy sản xuất collagen với công suất 1000 tấn thành phẩm/năm sẽ được khởi công xây dựng vào cuối năm nay.

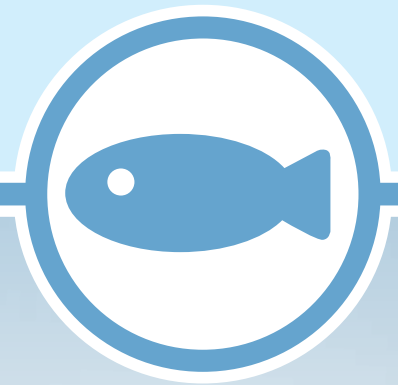


PRODUCT

- Sản phẩm nổi bật

Tận dụng lợi thế gần gũi với ngành kinh doanh chính - cá tra - công ty phát triển thêm một số sản phẩm từ ngành kinh doanh phụ, tận dụng lợi thế gần gũi với ngành kinh doanh chính và tiến thêm một bước trong việc khép kín quy trình.

Sản phẩm bền vững từ nuôi trồng sản xuất trên cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn nuôi trồng bền vững tiên tiến trên thế giới như AQUAGAP, GLOBAL GAP, BAP, ASC.



◉ SẢN PHẨM

- Pangasius Hypophthalmus



- Pangasius Fillet



- Marinated Pangasius Fillet



- Breaded Pangasius

- Provocake
Best Retail Product
Award in Brussel 2011



- Creobread



- Seafood Harmony



- Deliburg - Basa burger



- Bột cá



- Gạo

◉ SẢN PHẨM



- Collagen thủy phân

○ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá kết quả thực hiện

Năm 2011 là năm mà ngành thủy sản ghi nhận mức kim ngạch xuất khẩu kỷ lục: 6,1 tỷ USD, tăng 21% so với năm 2010, trong đó giá trị xuất khẩu cá tra đạt 1,8 tỷ USD, tăng đáng kể (26%) so với mức 1,4 tỷ của năm trước.

Năm 2011 cũng là sự thành công nhất của Vinh Hoàn từ trước đến nay. Doanh thu tăng 36% và lợi nhuận sau thuế tăng 84% so với năm 2010, vượt 57,6% so với mức lợi nhuận kế hoạch 250 tỷ do đại hội đồng cổ đông đề ra.

Đây là kết quả có ý nghĩa đặc biệt trong tình hình kinh tế đất nước năm 2011 có nhiều khó khăn với lãi suất và lạm phát cao, chi phí tăng, chính sách kiểm soát tiền tệ, thắt chặt tín dụng trong nước và tình hình thế giới bất ổn với suy thoái kinh tế và khủng hoảng nợ công ở Châu Âu.

Song song với những nỗ lực để đạt được kết quả ấn tượng nói trên, trong năm Vinh Hoàn khởi động và thực hiện tiến độ thúc đẩy các dự án phát triển theo hướng tối ưu hóa giá trị phụ phẩm và đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh.

● BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về nuôi trồng

Vĩnh Hoàn đã khép kín toàn bộ chuỗi con giống, thức ăn, vùng nuôi, nhà máy chế biến cá tra với chứng chỉ nuôi bền vững AQUA GAP và GLOBAL GAP.

Công ty cũng đạt chứng chỉ BAP với tiêu chuẩn 2 sao cho vùng nuôi và nhà máy chế biến.

Công ty đã áp dụng tiêu chuẩn ASC trong nuôi trồng cá tra và sẽ thực hiện đánh giá, lấy chứng chỉ ASC vào cuối quý 3 năm 2012.



Về thủy sản

Nhà máy Vĩnh Hoàn 1 không ngừng cải tiến chất lượng thức ăn cá tra nhằm mục tiêu tăng chất lượng cá thịt và nhằm giảm đáng kể hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR). Đây là một trong những định hướng nuôi bền vững nhằm giảm tác động đến môi trường và tăng hiệu quả kinh tế.



Về nhà máy Collagen

Phân xưởng sản xuất Collagen thực nghiệm đã được khai trương và đưa vào hoạt động 3/2012 làm tiền đề cho nhà máy Collagen sẽ khởi công vào quý 3 năm 2012.



Về nhà máy gạo

Nhà máy gạo thuộc công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2 với công suất 100.000 tấn/năm đã đi vào hoạt động vào quý 2/2012.

Giai đoạn 2 bao gồm việc lắp đặt hệ thống sấy tồn trữ, xay xát cũng đang khẩn trương hoàn thành.

Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 3 đã nhận bàn giao cột mốc xây dựng nhà máy xay xát, lau bóng với diện tích 27ha tại xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười vào cuối tháng 1/2012.

Bên cạnh việc mở rộng phạm vi hoạt động sang lĩnh vực collagen, gạo, Vĩnh Hoàn vẫn đặt trọng tâm vào ngành hàng cốt lõi là nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu cá tra dựa trên năng lực và mục tiêu chính, đó là phát triển trên nền tảng chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và duy trì cam kết này trong xuyên suốt chuỗi giá trị sản phẩm từ con giống, thức ăn, nuôi trồng đến chế biến.

Sự phát triển bền vững của công ty đã được chứng minh cụ thể nhất bằng kết quả kinh doanh qua hàng năm, đặc biệt là năm 2011 với mức cao nhất trong lịch sử hoạt động của công ty về doanh thu và lợi nhuận.

- Kim ngạch xuất khẩu: 154 triệu USD, tăng gần 17% so với con số 132 triệu USD của năm 2010.
- Doanh thu: 4.114 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2010.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 394 tỷ đồng, tăng 84% so với năm 2010.



Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: tỷ đồng

THỜI ĐIỂM	THỰC HIỆN 2010	THỰC HIỆN 2011	KẾ HOẠCH 2011	% THỰC HIỆN 2011 SO VỚI KẾ HOẠCH
Doanh thu	3.021	4.114	3.000	137%
Tăng trưởng so với năm trước (%)	8%	36%		
Lợi nhuận trước thuế	272	480	250	192%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	214	394	250	158%
Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS: đồng/cổ phiếu)	4.573	8.389		

Những điểm chính lớn trong năm

- **CHẾ BIẾN THỦY SẢN:**
Nhà máy duy trì tốt hoạt động sản xuất và hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm theo các tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001, ISO 14001, ISO 22000, ISO 17025, BRC và IFS Version 5.



● BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

● NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Nuôi trồng thủy sản với hai mục tiêu: quản lý chất lượng và tự chủ nguyên liệu là chiến lược công ty theo đuổi nhiều năm liền.



Với ý thức gìn giữ môi trường và bảo vệ nguồn lợi mà dòng sông Mekong mang đến, Vĩnh Hoàn là đơn vị tiên phong thực hành nuôi cá tra theo tiêu chuẩn thực hành nuôi tốt. Hệ thống nuôi trồng cá tra của công ty đạt các chứng chỉ quốc tế AQUAGAP, GLOBAL GAP, BAP. Công ty hướng đến việc lấy chứng chỉ ASC (Aquaculture Stewardship Council) trong năm 2012.

Năm 2011 là năm mà Vĩnh Hoàn gặt hái thành quả của chiến lược nói trên. Trong tình hình thiếu hụt và biến động về nguyên liệu, Vĩnh Hoàn đã chủ động được nguồn nguyên liệu cho sản xuất và thu được lợi nhuận đáng kể từ hoạt động nuôi trồng.

GLOBALG.A.P.



● THÀNH LẬP CÁC CÔNG TY CON

Năm 2011, công ty xúc tiến nhiều dự án mới về nuôi trồng, chế biến cá tra, gạo, collagen với sự ra đời của các công ty con làm tiền đề cho sự mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính giúp cho sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận trong tương lai.

Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2

Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 3

Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn 4

Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5





Vĩnh Hoàn:

Lĩnh vực hoạt động: Nuôi trồng, chế biến thủy sản



Vĩnh Hoàn USA: Bán hàng tại thị trường Mỹ



Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1: Sản xuất phụ phẩm, bột cá, mỡ cá



Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2: Gạo



Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 3: Gạo



Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn 4: Chế biến Thủy Sản



Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn Collagen 5: Sản xuất Collagen thủy phân

Định hướng phát triển trong tương lai

Chính sách phát triển của công ty theo định hướng đầu tư chiều sâu cho con cá tra và mở rộng phạm vi kinh doanh ở những lĩnh vực có liên quan và hỗ trợ lẫn nhau.

Các nhiệm vụ mà công ty sẽ tập trung nguồn lực phát triển trong giai đoạn 2011- 2015 bao gồm:

NHIỆM VỤ	NỘI DUNG
Nuôi trồng	<ul style="list-style-type: none"> Tăng diện tích nuôi trồng cá tra và diện tích giống cá tra hướng đến việc tự chủ 100% nhu cầu về giống và nguyên liệu.
Chế biến thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> Gia tăng tỷ trọng hàng giá trị gia tăng và hàng có chứng nhận đối với mặt hàng cá tra, đồng thời phát triển các sản phẩm từ cá chêm nhằm thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm.
Tối ưu hóa giá trị phụ phẩm	<ul style="list-style-type: none"> Dự án Collagen; Dự án đạm thủy phân.
Đa dạng hóa ngành hàng	<ul style="list-style-type: none"> Phát triển ngành gạo trên cơ sở tiềm năng nông nghiệp của tỉnh Đồng Tháp, bước đầu là xây dựng nhà máy chế biến gạo.
Nghiên cứu và phát triển	<ul style="list-style-type: none"> Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển chất lượng dinh dưỡng và bảo vệ môi trường nuôi trồng.
Nhân sự	<ul style="list-style-type: none"> Đào tạo đội ngũ quản lý kế thừa.

Giai đoạn 2012-2015 là giai đoạn công ty dồn nhiều nguồn lực về tài chính, nhân sự cho rất nhiều dự án mới, hứa hẹn sự tăng trưởng lớn mạnh cho công ty trong thời gian tới. Nguồn vốn cho các dự án này dự kiến sẽ lấy từ nguồn lợi nhuận để lại và tiền vay. Dự kiến kết quả kinh doanh trong giai đoạn 2012-2015 như sau :

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2012	2013	2014	2015
Doanh thu				
• Thủy sản	3.500	4.350	5.400	6.000
• Thức ăn	1.200	1.320	1.452	1.597
• Gạo	95	498	518	1.078
• Collagen	-	55	137	246
CAPEX (chi phí vốn)	250	300	400	0
Lợi nhuận trước thuế	299	417	581	827
Lợi nhuận sau thuế	250	344	482	695

○ CÁC CÔNG TY CON

Vĩnh Hoàn USA Incorporation

- Địa chỉ: 2 Mahogany Dr., Irvine, CA 92620
- Vốn góp của Vĩnh Hoàn: 100%

Công ty được thành lập năm 2007 với nhiệm vụ đảm trách việc bán hàng, dịch vụ giao nhận và thuế quan tại thị trường Mỹ.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY VĨNH HOÀN USA

Đơn vị tính: USD

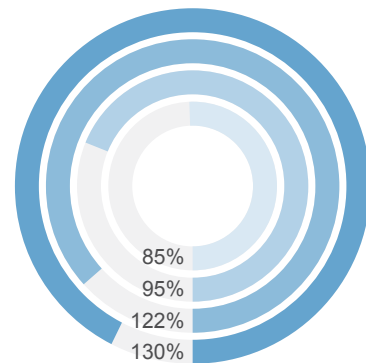
	NĂM 2010	NĂM 2011
Doanh thu	50.270.669	72.717.082
Lợi nhuận sau thuế	290.149	(112.269)

Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1

- Địa chỉ: Quốc lộ 30, cụm công nghiệp Thanh Bình, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp.
- Vốn góp của Vĩnh Hoàn: 69,8%
- Sản phẩm: thức ăn thủy sản, bột cá tra, mỡ cá tra.

Năm 2011 là một năm khó khăn với Vĩnh Hoàn 1. Chi phí lãi vay ngân hàng, tiền điện, tiền lương leo thang, giá nguyên liệu thức ăn tăng, cộng thêm tình hình lũ lụt làm chi phí sản xuất tăng cao. Công ty đã nỗ lực trong việc duy trì phát triển sản xuất với doanh thu tăng 30% mặc dù lợi nhuận thuần có giảm so với năm 2010 do chi phí tăng.

TỈ LỆ % 2011/2010



- Doanh thu
- Lợi nhuận trước thuế
- Lợi nhuận gộp
- Lợi nhuận sau thuế



● CÁC CÔNG TY CON

Vĩnh Hoàn 1 trong năm 2011 có nhiều tiến bộ trong công tác quản lý chất lượng. Thức ăn giúp cải thiện tốt tỷ lệ FCR (tỷ số chuyển đổi thức ăn) giúp giảm giá thành nuôi. Nhà máy thực hiện quản lý theo ISO và đạt chứng chỉ GLOBAL GAP cho sản xuất thức ăn cá tra.

Ngoài ra, Vĩnh Hoàn 1 cũng phát triển thêm mặt hàng mới là thức ăn cá biển trong năm 2011.

Bột mỡ cá tra của Vĩnh Hoàn 1 cũng đạt giấy chứng nhận xuất khẩu đi thị trường Nhật và Trung Quốc, giúp tăng sản lượng xuất khẩu với giá bán tốt hứa hẹn sự tăng trưởng và mở rộng thị trường.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN THỦY SẢN VĨNH HOÀN 1

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2010	THỰC HIỆN NĂM 2011	KẾ HOẠCH NĂM 2011	TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH
Doanh thu	1.124	1.464	1.200	122%
Lợi nhuận sau thuế	59	50	80	62,5%

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2012

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2012
Doanh thu	1.500
Lợi nhuận sau thuế	70

Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2

- Địa chỉ: Ấp Tân An, Xã Bình Thạnh Trung, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp
- Vốn góp của Vĩnh Hoàn: 98,6%
- Hoạt động của công ty: chế biến kinh doanh xuất khẩu gạo (sấy, xay xát, lau bóng gạo, tách màu, ép trấu)

Nhà máy Vĩnh Hoàn 2 được xây dựng trên diện tích đất 4.3 ha, tại ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Nhà máy được đặt ở vị trí gần nguồn nguyên liệu và là vựa lúa gạo lớn nhất nước được cung cấp từ các tỉnh An Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Long An và gần hơn là từ nguồn cung cấp gạo ở các huyện, thị Lấp Vò, Sa Đéc, Châu Thành, Lai Vung, Cao Lãnh, Thanh Bình, Tháp Mười, Hồng Ngự, Tân Hồng, và TP Cao Lãnh (tỉnh Đồng Tháp);

Nhà máy được khởi công xây dựng ngày 23/09/2011 và dự kiến chính thức đi vào hoạt động trong quý 2/2012.



Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 3

- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Trường Xuân, Ấp 4, Trường Xuân, Huyện Tháp Mười, Tỉnh Đồng Tháp
- Vốn góp của Vĩnh Hoàn: 90%
- Các lĩnh vực hoạt động của công ty bao gồm:
 - Chế biến lúa gạo
 - Sản xuất trấu ép
 - Kinh doanh phân bón và vật tư nông nghiệp
 - Sản xuất bao PP

Huyện Tháp Mười phía Đông giáp Huyện Cái Bè - Tiền Giang, phía tây giáp Huyện Tam Nông, phía Nam giáp Huyện Cao Lãnh, phía Bắc giáp Huyện Tân Thạnh - Tân Hưng - Long An. Những huyện này tập trung chủ yếu về nông nghiệp với những cánh đồng lúa bạt ngàn cộng với Huyện Tháp Mười với diện tích canh tác lúa đứng đầu của Tỉnh Đồng Tháp (bình quân 30.000 - 35.000 ha/vụ đạt sản lượng khoảng 600.000 tấn năm 2011).

Cụm công nghiệp Trường Xuân trên Tỉnh lộ 844 cách Tân An - Long An khoảng 80km theo tuyến Quốc lộ N2 về đường thủy là nơi giao nhau của các kênh lớn thuận tiện cho việc vận chuyển lúa, thành phẩm gạo và thu hút nguồn nguyên liệu lúa từ các Quốc gia, Tỉnh lân cận như Campuchia, Long An, An Giang, Tiền Giang.

Ngày 10/01/2012 UBND Huyện Tháp Mười đã chính thức bàn giao mặt bằng cho công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 3. Dự kiến nhà máy sẽ được xây dựng và đi vào hoạt động trong năm 2013.

Công ty TNHH 1 Thành Viên Vĩnh Hoàn 4

- 100% vốn góp thuộc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.
- Lĩnh vực hoạt động: chế biến thủy sản với công suất 100 tấn nguyên liệu/ngày.

Dự kiến nhà máy sẽ xây dựng và đi vào hoạt động trong năm 2014. Nhà máy xây dựng với mục đích tăng năng suất chế biến thủy sản và sản xuất hàng giá trị gia tăng của Vĩnh Hoàn nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường trong tương lai.

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5

- Địa chỉ: Quốc Lộ 30, P11, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- 85% vốn góp thuộc CTCP Vĩnh Hoàn
- Công suất thiết kế giai đoạn 1: 1000 tấn/năm
- Sản phẩm: collagen và gelatin chiết xuất từ da cá

Phân xưởng thực nghiệm collagen đã đi vào hoạt động cuối tháng 12 năm 2012, sản phẩm là collagen thủy phân. Nhà máy công suất 1000 tấn/năm sẽ được khởi công xây dựng trong quý 3/2012. Dự kiến hiệu quả hoạt động của Vĩnh Hoàn Collagen 5 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	NĂM 2017	NĂM 2018
Công suất vận hành	20%	50%	90%	100%	100%	100%
I. Doanh thu	55	137	246	273	273	273
II. Lợi nhuận trước thuế	(7)	34	102	118	118	118
III. Lợi nhuận sau thuế	(7)	34	102	118	113	113
Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu - ROS	-14%	25%	42%	43%	41%	41%



PEOPLE

-Vĩnh Hoàn: Nơi trân trọng những tài năng

Vĩnh Hoàn xây dựng tương lai trên sự thịnh vượng chung cho tất cả mọi người, đảm bảo sự phát triển công bằng xã hội, đảm bảo quyền lợi của nhân viên và đóng góp cho cộng đồng.



○ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Văn hóa doanh nghiệp

Với văn hóa năng động và hoạt động với số lượng lao động lớn. Vĩnh Hoàn luôn trân trọng và xem nguồn nhân lực là tài sản quý báu của doanh nghiệp. Ban lãnh đạo luôn lắng nghe và tạo động lực cho từng thành viên phát huy tính sáng tạo và không ngừng đổi mới trong công việc. Chúng tôi làm việc trong môi trường cởi mở, tôn trọng và hỗ trợ lẫn nhau. Nỗ lực hết mình của từng thành viên đã giúp công ty Vĩnh Hoàn phát triển bền vững.

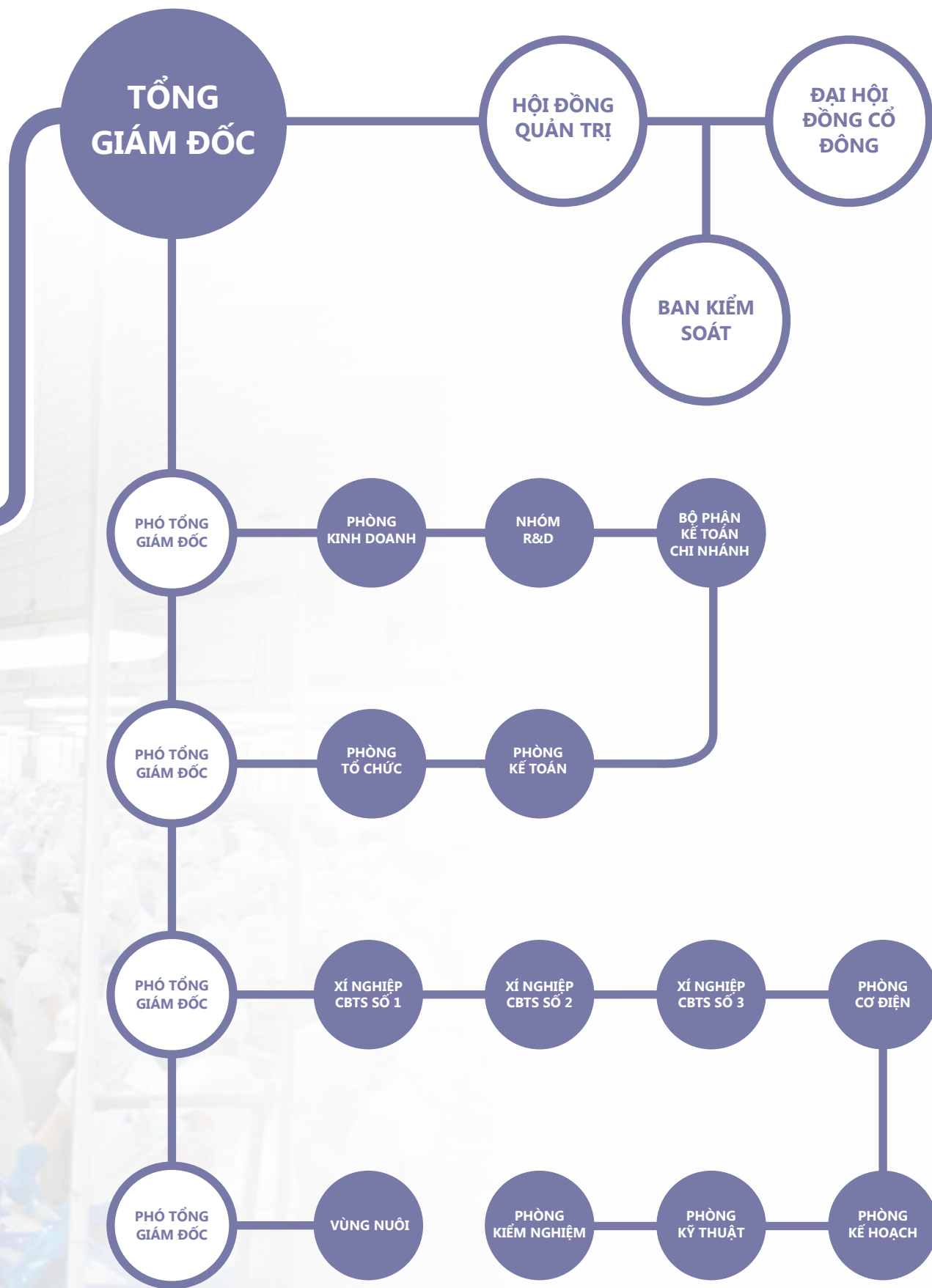
Sản phẩm cá tra từ khâu cá giống đến nuôi trồng, chế biến, đều được từng nhân viên ở từng khâu của Vĩnh Hoàn nâng niu, quan tâm, chăm sóc với lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm cao nhất. Chúng tôi bán không chỉ là cá tra, mà là quá trình chăm sóc từ khi cá tra còn con giống nhỏ li ti đến sản phẩm sau cùng với chất lượng và độ an toàn thực phẩm cao nhất.

Chúng tôi cam kết tôn trọng chữ tín, tạo dựng niềm tin, có trách nhiệm với khách hàng, đối tác, các nhà cung cấp, các cổ đông và giới truyền thông.

Chúng tôi tự hào mang con cá tra - quà tặng của dòng sông Mekong đến người tiêu dùng khắp nơi trên thế giới dưới dạng những thực phẩm ngon, đẹp và tốt cho sức khỏe, thân thiện với môi trường.



○ SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN



◉ SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần với các cơ quan và ban lãnh đạo như sau:

Đại Hội Đồng Cổ Đông

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát.

Hội Đồng Quản Trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Hiện tại Hội Đồng Quản trị Công ty có 5 thành viên như sau:

1. Bà	Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Bà	Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành Viên Hội đồng quản trị
3. Ông	Huỳnh Đức Trung	Thành Viên Hội đồng quản trị
4. Ông	Ông Lê Thanh Hùng	Thành Viên Hội đồng quản trị
5. Ông	Jean-Eric Jacquemin	Thành Viên Hội đồng quản trị



Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Hiện tại Ban Kiểm soát công ty có 3 thành viên như sau:

1. Ông	Nguyễn Văn Nghệ	Trưởng Ban Kiểm soát
2. Bà	Hồ Thanh Huệ	Thành viên Ban Kiểm soát
3. Ông	Nguyễn Minh Đức	Thành viên Ban Kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc hiện tại gồm 1 Tổng Giám đốc và 4 Phó Tổng giám đốc:

1. Bà	Trương Thị Lệ Khanh	Tổng giám đốc
2. Bà	Nguyễn Ngô Vi Tâm	Phó Tổng giám đốc
3. Ông	Huyền Đức Trung	Phó Tổng giám đốc
4. Ông	Đặng Văn Viễn	Phó Tổng giám đốc
5. Bà	Trương Tuyết Phương	Phó Tổng giám đốc





CÓ 11 PHÒNG, BAN, XÍ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC CHỨC NĂNG CHUYÊN MÔN NHƯ SAU:

TT	PHÒNG BAN	CHỨC NĂNG CHÍNH
1	Phòng kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Giao dịch mua bán với khách hàng; Giới thiệu sản phẩm, tiếp thị sản phẩm để củng cố và mở rộng thị trường; Lập kế hoạch kinh doanh, chính sách chiến lược phát triển thị trường, khách hàng và chủng loại hàng hóa.
2	Phòng kế toán	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra, giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà Nước, thanh toán nợ, quản lý sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán để tham mưu, đề xuất cho Ban Tổng Giám Đốc trong việc quyết định kinh tế tài chính của đơn vị; Phân tích báo cáo tài chính, tham mưu cho Ban Tổng Giám Đốc về công tác và chính sách quản lý tài chính; Bộ phận kế toán chi nhánh: phụ trách mảng kế toán bán hàng, thu tiền, chi phí và công nợ bán hàng; giao dịch ngân hàng, báo cáo tài khoản nợ – có và tiền mặt của Công ty cho Ban Tổng Giám Đốc.
3	Phòng kế hoạch	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi tình hình thu mua; Lập kế hoạch, theo dõi tiến độ sản xuất và giao hàng; Quản lý bao bì, vật tư, hóa chất; Phân tích các chỉ tiêu sản xuất, năng lực sản xuất phục vụ cho kế hoạch phát triển sản xuất và kinh doanh của Công ty.
4	Phòng cơ điện	<ul style="list-style-type: none"> Vận hành hệ thống cấp nước, hệ thống xử lý nước thải và thiết bị lạnh; Bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị lạnh, máy điều hòa, điện chiếu sáng, máy móc thiết bị toàn Công ty; Lắp đặt các máy móc thiết bị mới.
5	Phòng kiểm nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện các hoạt động kiểm nghiệm nhằm đảm bảo cho việc duy trì hệ thống quản lý chất lượng, môi trường của công ty cũng như đáp ứng tất cả các yêu cầu chung về năng lực của Phòng kiểm nghiệm theo ISO 17025;
6	Phòng kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> Tham mưu cho Ban Tổng Giám Đốc về chính sách tăng cường quản lý chất lượng; Theo dõi hoạt động sản xuất, kinh doanh có liên quan đến chất lượng; Kiểm tra và giám sát qui trình công nghệ sản xuất theo hệ thống quản lý HACCP, GMP, SSOP Vận dụng hệ thống quản lý theo kế hoạch HACCP, GMP, SSOP, ISO 9001, ISO 14001, BRC, IFS...
7	Xí nghiệp 1	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp nhận nguyên liệu, thực hiện dây chuyền sản xuất theo kế hoạch sản xuất và các chương trình quản lý chất lượng.
8	Xí nghiệp 2	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp nhận nguyên liệu, thực hiện dây chuyền sản xuất theo kế hoạch sản xuất và các chương trình quản lý chất lượng.
9	Xí nghiệp 3	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp nhận nguyên liệu, thực hiện dây chuyền sản xuất theo kế hoạch sản xuất và các chương trình quản lý chất lượng.
10	Vùng nuôi	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức thực hiện nuôi cá, cung cấp nguyên liệu cho công ty theo vùng nuôi khép kín. Tổ chức nuôi cá sạch – an toàn theo các tiêu chuẩn quốc tế.
11	Phòng tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức, bố trí nhân sự, tuyển dụng và đào tạo; Lập kế hoạch nhân sự, chính sách ổn định và phát triển nguồn nhân lực cho công ty, xây dựng văn hóa Công ty; Xây dựng các chế độ chính sách về khen thưởng, kỷ luật, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế. Chăm sóc sức khỏe cho nhân viên . Quản lý an ninh trật tự, cảnh quan và môi trường làm việc trong Công ty.

Chính sách đối với người lao động

Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn trong các năm qua đặc biệt chú trọng tới nhân tố con người, đặt người lao động vào vị trí trung tâm trong quá trình phát triển bền vững của mình. Công ty quan tâm đến đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, điều kiện làm việc, tạo môi trường tốt nhất để người lao động yên tâm, gắn bó, làm việc lâu dài tại Công ty; tạo điều kiện để người lao động phát huy sáng tạo, tạo ra các giá trị mới vì sự phát triển bền vững của Công ty và vì lợi ích của mỗi người lao động. Công ty thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng các qui định của Pháp luật.

- Nhân viên văn phòng: khoảng hơn 200 người
- Công nhân: khoảng hơn 3.300 người

1. CHÍNH SÁCH LƯƠNG - THƯỞNG

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu và đồng thời tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp Công ty, người lao động tại công ty được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng như:

- Xem xét điều chỉnh lương theo hiệu quả công việc mỗi năm một lần và xem xét điều chỉnh lương trước thời hạn cho các trường hợp cán bộ, công nhân viên có thành tích xuất sắc nổi bật.
- Thưởng nhân dịp lễ tết vào các ngày lễ như: Tết Dương lịch, 30-4 & 1-5, Lễ 2-9, Tết Âm lịch.
- Thưởng hiệu quả cuối năm theo thành tích cá nhân, bộ phận và kết quả kinh doanh của Công ty.
- Thưởng đột xuất do mang lại hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc đạt được thành tích nổi bật. Chính sách cổ phiếu ưu đãi cho nhân viên cũng đã và đang được áp dụng nhằm thu hút và giữ gìn nhân tài.

- Ngoài lương thưởng, người lao động còn có các khoản phụ cấp, trợ cấp và chế độ đãi ngộ khác tùy theo chức vụ và đặc điểm công việc.
- Trong năm 2011, Công ty phát động phong trào thi đua trong toàn Công ty về "Tăng năng suất, hạ định mức, khống chế vi sinh". Các phòng ban, Xí nghiệp nhiệt liệt hưởng ứng và đạt kết quả cao được Ban Tổng Giám Đốc Cty khen thưởng.

2. PHÚC LỢI - ĐÃI NGỘ

- Tất cả lao động trong công ty đều được ký hợp đồng lao động đúng luật định, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp 100% trên tổng số đã ký hợp đồng lao động, tạo việc làm ổn định đảm bảo thu nhập của người lao động tăng lên hàng năm.
- Ngoài ra, hàng năm Công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ 6 tháng 1 lần cho tất cả cán bộ, công nhân viên nhằm phát hiện các loại bệnh (nếu phát hiện) để có kế hoạch cho người lao động nghỉ ngơi, phục hồi sức khỏe. Công tác an toàn vệ sinh lao động cũng rất được quan tâm, tất cả cán bộ, công nhân viên trong công ty đều được mua bảo hiểm tai nạn, được hướng dẫn và trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân, bảo hộ lao động trong khi làm việc, trong năm không để xảy ra trường hợp tai nạn lao động nào đáng kể.
- Vấn đề chăm lo đời sống cho người lao động rất được quan tâm. Vào các dịp Lễ, Tết tất cả người lao động không những được nghỉ theo quy định mà còn được công ty hỗ trợ thêm chi phí góp phần nâng cao đời sống, ngoài ra về phía Công đoàn công ty còn phối hợp với Ban Tổng Giám đốc tổ chức cho hơn 1.500 anh chị em Cán bộ - Công nhân đi tham quan nghỉ mát ở Phan Thiết - Phú Quốc - Hà Tiên - Vũng Tàu - Đà Lạt trong năm 2011.





- Chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân thông qua việc cung cấp bữa ăn giữa ca cũng được Công ty tổ chức thực hiện chu đáo, hiện nay công ty có 3 nhà ăn - căn tin phục vụ cho tất cả cán bộ công nhân, mỗi cán bộ công nhân được hỗ trợ bữa ăn trưa chất lượng cao, bữa ăn đảm bảo tuyệt đối chất lượng nhờ công tác giám sát tổ chức cung cấp thực hiện chặt chẽ. Công ty cũng đưa một nhà ăn do Công Đoàn tổ chức vào hoạt động từ tháng 6/2011 cung cấp suất ăn cho hơn 1.500 cán bộ công nhân viên/ngày với thực đơn phong phú, đầy đủ dưỡng chất.
- Có chính sách hỗ trợ về nhà ở cho cán bộ công nhân ở xa: Công ty thuê nhà trọ cho cán bộ ở xa và thực hiện chi trả phụ cấp thu hút cho cán bộ - công nhân ở xa.
- Ngoài ra, Công ty còn có các chính sách cấp học bổng cho con em cán bộ công nhân học giỏi, hỗ trợ công nhân nghèo có hoàn cảnh khó khăn thông qua Quỹ học bổng và trợ cấp khó khăn của Công ty, trong năm 2011 đã hỗ trợ cho 6 trường hợp với số tiền gần 50 triệu đồng.
- Tổ chức tặng tập cho trẻ em nghèo vùng sâu vùng xa và trẻ em là con cán bộ công nhân viên Công ty vào các dịp Tết Trung thu, tết cổ truyền. Định kỳ hàng năm, công ty đều hỗ trợ quà, phát gạo, cấp phát đồng phục cho cán bộ công nhân viên và công nhân nghèo.
- Trong năm 2011, Công ty tổ chức thăm hỏi đau ốm, bệnh tật, tang ma hiếu hỷ cho cán bộ công nhân viên là công đoàn viên trong Công ty.
- Đối với phong trào văn hóa thể thao, Công ty kết hợp với Đoàn TNCS của tỉnh và thành phố tổ chức các chương trình văn nghệ thể dục thể thao như: tổ chức hội thao chào mừng lễ 30/4 và 01/5, chương trình chạy việt dã tranh cúp Vĩnh Hoàn 26/3, chương trình văn nghệ kỷ niệm 2/9 và một số hoạt động khác như thi nấu ăn, hát karaoke, tổ chức các trò chơi dân gian.



3. CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO - TUYỂN DỤNG:

- Đào tạo và phát triển nhân viên là một trong các công tác ưu tiên của Vĩnh Hoàn. Chính sách đào tạo của Vĩnh Hoàn có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về chuyên môn nghiệp vụ, có đạo đức trong kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc. Hàng năm, công ty đều có chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ quản lý, kinh doanh, điều hành và công nhân sản xuất, kết hợp với Trường Trung cấp Nghề Hồng Ngự tổ chức đào tạo và cấp bằng Sơ cấp nghề Chế biến thủy sản cho công nhân mới.
- Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên:
 - Lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước.
 - Lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty.
 - Sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn phát triển lâu dài cho Công ty thực hiện các dự án mới.
 - Ngoài ra, đối với lao động trực tiếp sản xuất, Công ty ưu tiên tuyển dụng công nhân có tay nghề, gắn bó lâu dài với Công ty, ưu tiên cho gia đình có nhiều thế hệ làm việc tại Công ty.

CÁC ĐÓNG GÓP CỦA CÔNG TY CHO XÃ HỘI VÀ TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG:

ĐVT: triệu đồng

CHỈ SỐ	2008	2009	2010	2011
Tổng số tiền dành cho các hoạt động xã hội, từ thiện	1.294	1.133	1.642	5.954



- Công tác phúc lợi xã hội luôn được công ty quan tâm, thực hiện. Bình quân mỗi năm công ty đã chi khoảng 600 triệu đồng cho phúc lợi tập thể và khoảng 1 tỷ đồng cho phúc lợi xã hội.
- Về trách nhiệm cộng đồng, nhiều năm nay Công ty đã nhận phụng dưỡng suốt đời mẹ Việt Nam Anh Hùng Lê Thị Cam ở huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Hàng năm công ty đều phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh xây dựng “Mái ấm Công Đoàn” cho công nhân nghèo. Trong năm 2011, Công Đoàn Cơ Sở Công ty phối hợp Liên đoàn Lao động tỉnh xét trao tặng 4 căn nhà “Mái Ấm Công Đoàn” cho công nhân viên nghèo của Công ty với số tiền 30.000.000 đ/căn, ngoài ra Ban Giám Đốc Công ty còn tổ chức khảo sát và trao tặng 5 căn nhà “Mái Ấm Vĩnh Hoàn” với số tiền 30.000.000 đ/căn.
- Các hoạt động phúc lợi xã hội tiêu biểu năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

THỜI GIAN	SỰ KIỆN	HOẠT ĐỘNG CỦA VĨNH HOÀN	SỐ TIỀN ĐÓNG GÓP
01/2011	Hỗ trợ kinh phí vui xuân của Công an Phường 11, hỗ trợ người nghèo ăn tết tại các xã Tân Thuận Đông, Tân Hoà, Tân Thạnh – Thanh Bình, Phường 11 và huyện Cao Lãnh	Hỗ trợ tiền và quà tết	75.000.000
2/2011	Hỗ trợ xã Tân Thuận Đông thi hành NVQS	Hỗ trợ tiền	8.000.000
2/2011	Tài trợ giải bóng chuyền P.CSGT tỉnh Đồng Tháp	Tài trợ tiền	15.000.000
2/2011	Ủng hộ xây chánh điện chùa Tân Đức	Hỗ trợ tiền	250.000.000
3/2011	Ủng hộ xây chánh điện chùa Cao Minh	Hỗ trợ tiền	250.000.000
3/2011	Ủng hộ quỹ vì người nghèo	Hỗ trợ tiền	600.000.000
3/2011	Hỗ trợ chi phí Ban TT- UBMT TQ VN H. Cao Lãnh nhân ngày 30/4	Tài trợ tiền	17.000.000
3/2011	Ủng hộ trao tặng 2 căn nhà nhân ái	Hỗ trợ tiền	40.000.000
3/2011	Ủng hộ các nạn nhân sóng thần Nhật Bản	Hỗ trợ tiền	200.000.000
4/2011	Hỗ trợ phí ANTT phường 11 quý 1/2011	Hỗ trợ tiền	4.500.000
4/2011	Hỗ trợ nhân chứng LS thăm chiến trường xưa	Hỗ trợ tiền	3.000.000
4/2011	Ủng hộ cứu trợ cho các nạn nhân Nhật Bản	Hỗ trợ tiền	210.000.000
4/2011	Tài trợ Sở Công Thương tổ chức hội thao	Hỗ trợ tiền	50.000.000
5/2011	Tài trợ giáo dục – Trường ĐH Cần Thơ	Hỗ trợ tiền	200.000.000
5/2011	Ủng hộ xã Vĩnh Bình sửa đình vùng nuôi Phú Bình	Hỗ trợ tiền	5.000.000
5/2011	Hỗ trợ người nghèo huyện Chợ Mới	Hỗ trợ tiền	10.000.000
5/2011	Ủng hộ quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam	Hỗ trợ tiền	10.000.000
5/2011	Tài trợ trường tiểu học Trần Phú	Tặng quà	1.100.000
6/2011	Ủng hộ UBND xã Bình Thạnh Trung xây cầu tình nghĩa	Ủng hộ tiền	20.000.000
6/2011	Hỗ trợ di dời xã Bình Thạnh Trung – Lấp Vò	Hỗ trợ tiền	2.000.000
6/2011	Hỗ trợ kinh phí hoạt động CA phường 11 quý 2/2011	Hỗ trợ tiền	4.500.000
6/2011	Tài trợ trẻ em nghèo - Sở VH, thể thao và du lịch ĐT	Tặng quà	18.810.000
6/2011	Ủng hộ xã Vĩnh Bình, Phú Bình làm đường	Hỗ trợ tiền	4.000.000
6/2011	Hỗ trợ 1000 quyển tập cho học sinh nghèo H. Lấp Vò	Tặng quà	6.000.000
6/2011	Tài trợ tập cho các học sinh tại Phường 11	Tặng quà	36.528.000



THỜI GIAN	SỰ KIỆN	HOẠT ĐỘNG CỦA VĨNH HOÀN	SỐ TIỀN ĐÓNG GÓP
7/2011	Hỗ trợ 10 quạt máy trao nhà Đại đoàn kết	Tặng quà	2.100.000
7/2011	Hỗ trợ Đoàn uỷ liên cơ thăm gia đình chính sách tại Ba Tri	Hỗ trợ tiền	2.000.000
7/2011	Hỗ trợ ngày thương binh liệt sĩ xã Bình Thạnh Trung – Lấp Vò	Hỗ trợ tiền	5.500.000
7/2011	Tài trợ tiền ủng hộ theo ngư dân bám biển	Hỗ trợ tiền	200.000.000
8/2011	Hỗ trợ tổ chức giải Việt dã tranh cúp Vinh Hoàn lần 2/2011	Hỗ trợ tiền và tham gia chạy Việt dã	90.340.000
8/2011	Ủng hộ xã Tân Khánh Trung xây cầu	Hỗ trợ tiền	25.000.000
8/2011	Hỗ trợ UBND xã Hoà Hưng làm đường nông thôn	Hỗ trợ tiền	2.000.000
8/2011	Hỗ trợ quà Trung thu cho trẻ em nghèo, Quỹ bảo trợ trẻ em nghèo tỉnh Đồng Tháp	Tặng quà	18.000.000
8/2011	Hỗ trợ kinh phí xây dựng cầu Bà Cò xã Mỹ Xương	Hỗ trợ tiền	120.000.000
8/2011	Trợ cấp học kỳ 2/2011 cho Nguyễn Quốc Gia, trợ cấp khó khăn cho công nhân: Nguyễn Kim Hà, Lê Thị Yến Hương	Hỗ trợ tiền	7.000.000
8/2011	Phát gạo cho CB- CN và các hộ nghèo	Tổ chức phát gạo	563.300.000
9/2011	Hỗ trợ kinh phí hoạt động CA phường 11 quý 3/2011	Hỗ trợ tiền	4.500.000
9/2011	Hỗ trợ viện phí cho đồng chí V. Giang và K. Hữu Công an P11.	Hỗ trợ tiền	30.000.000
9/2011	Hỗ trợ quỹ An ninh quốc phòng H. Ba Tri	Hỗ trợ tiền	5.000.000
10/2011	Tài trợ học bổng cho thủ khoa Nguyễn Trường Thịnh	Hỗ trợ tiền	10.000.000
10/2011	Tài trợ quỹ Vì người nghèo xã Bình Thành – Lấp Vò	Hỗ trợ tiền	50.000.000

● SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

THỜI GIAN	SỰ KIỆN	HOẠT ĐỘNG CỦA VĨNH HOÀN	SỐ TIỀN ĐÓNG GÓP
10/2011	Hỗ trợ dàn âm thanh cho trường THCS Mỹ Hiệp	Hỗ trợ tiền	10.000.000
10/2011	Ứng hộ quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”	Hỗ trợ tiền	138.279.000
10/2011	Ứng hộ quỹ “Mái ấm công đoàn”	Hỗ trợ tiền	65.016.000
10/2011	Ứng hộ mua quà trung thu cho học sinh nghèo xã Bình Đại	Tặng quà	3.000.000
10/2011	Trợ cấp cho sinh viên Thái Quang Vũ & Thái Thế Linh tháng 1 và tháng 6 năm 2011	Hỗ trợ tiền	7.200.000
11/2011	Ứng hộ chương trình “Sao Vàng Đất Việt vì trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn”	Hỗ trợ tiền	27.272.727
11/2011	Tài trợ giáo dục cho Trường Lê Quý Đôn	Hỗ trợ quà	5.500.000
11/2011	Ứng hộ Quỹ khuyến học Nguyễn Sinh Sắc + Mua ảnh sen	Hỗ trợ tiền + quà	115.000.000
11/2011	Hỗ trợ quân tình nguyện VN giúp Lào thăm chiến trường xưa – TTGD truyền thống và lịch sử	Hỗ trợ tiền	3.000.000
11/2011	Hỗ trợ kinh phí mua thiết bị dụng cụ vui chơi trẻ em	Hỗ trợ tiền	24.529.000
11/2011	Ứng hộ Hội thao kỹ thuật nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn Đồng Tháp lần 8/2011	Hỗ trợ tiền	5.000.000
11/2011	Ứng hộ chương trình “Nghĩa tình Đồng Tháp”	Hỗ trợ tiền	500.000.000
12/2011	Tài trợ trường ĐH Đồng Tháp	Hỗ trợ tiền	3.000.000
12/2011	Hỗ trợ xây dựng cầu Tân Khánh Trung	Hỗ trợ tiền	6.000.000
12/2012	Ứng hộ chương trình giao lưu nghệ thuật “ Mùa xuân cho em”	Hỗ trợ tiền	20.000.000



THỜI GIAN	SỰ KIỆN	HOẠT ĐỘNG CỦA VĨNH HOÀN	SỐ TIỀN ĐÓNG GÓP
12/2011	Ứng hộ kinh phí bắt cầu giao thông nông thôn, UBND xã Mỹ Ngãi	Hỗ trợ tiền	7.000.000
12/2011	Ứng hộ chương trình “ Cây mùa xuân cho trẻ em nghèo”	Hỗ trợ tiền	20.000.000
12/2011	Hỗ trợ kinh phí hoạt động CA phường 11 quý 4/2011	Hỗ trợ tiền	4.500.000
12/2011	Hỗ trợ công tác ANTT phường 11	Hỗ trợ tiền	10.000.000
12/2011	Ứng hộ chương trình “Cây mùa xuân chiến sĩ” năm 2012	Hỗ trợ tiền	5.000.000
12/2011	Hỗ trợ 50% kinh phí xây lắp công trình trường mẫu giáo Bình Thạnh	Hỗ trợ tiền	320.783.000
12/2011	Hỗ trợ bàn ghế cho UBND xã Mỹ Hiệp	Hỗ trợ tiền	16.022.000
12/2011	Ứng hộ xây dựng chùa Linh Ẩn và Đông Lai Thiền Viện - An Giang	Hỗ trợ tiền	500.000.000
12/2011	Tài trợ học bổng cho Nguyễn Quốc Gia kỳ1/2011	Hỗ trợ tiền	2.500.000
12/2011	Tài trợ viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 2	Hỗ trợ tiền	50.000.000
12/2011	Ứng hộ quỹ “Thắp sáng ước mơ”	Hỗ trợ tiền	20.000.000
12/2011	Hỗ trợ bàn ghế cho UBND xã Mỹ Hiệp và mua vé máy bay- đóng viện phí cho bé Lê Hoài Ân	Hỗ trợ tiền	5.000.000
	Khác		355.825.000



● THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà Trương Thị Lệ Khanh
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1961
Chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Là người khởi nghiệp Vĩnh Hoàn từ một xưởng đông lạnh nhỏ, liên tục 15 năm giữ vị trí Giám đốc và Tổng Giám đốc, lãnh đạo công ty từ những ngày đầu gian khó, nhọc nhằn. Bà là người bỏ nhiều thời gian và công sức vạch ra các chiến lược có tính chất quyết định để đưa Vĩnh Hoàn lên vị trí đầu ngành hôm nay. Bà Khanh còn có những giá trị đặc biệt có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thu hút nhân sự giỏi và tạo động lực gắn bó cho nhân viên công ty.



Ông Huỳnh Đức Trung
Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1963
Chuyên môn: Kỹ sư chế biến công nghệ thực phẩm
Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 12 năm

Trước khi gia nhập Vĩnh Hoàn, ông Trung có 10 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành thủy sản, tại xí nghiệp đông lạnh Sa Đéc và 4 năm làm việc tại Công ty Xuất Nhập Khẩu Sa Giang. Ông Trung giữ chức Phó Tổng Giám Đốc phụ trách khối sản xuất và nuôi trồng, được giao trọng trách phối hợp hài hòa các bộ phận của nhà máy. Ông Trung được bổ nhiệm vào Hội Đồng Quản Trị từ năm 2009.



Ông Jean Eric Jacquemin
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

(Ông Jean Eric Jacquemin thay thế Ông Nguyễn Văn Khánh miễn nhiệm khỏi vị trí thành viên Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày 25/04/2011 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 25/04/2011)

Quá trình công tác:

Trước năm 1996: 4 năm kinh nghiệm trong việc tái cơ cấu các doanh nghiệp ở Mỹ, 8 năm làm việc với tập đoàn PPR và 2 năm ở Việt Nam.

1996 - 2000: Làm việc cho quỹ đầu tư Lazard về các dự án liên quan đến lĩnh vực thực phẩm, sau đó chịu trách nhiệm thanh lý tài sản của quỹ này.

2000 - 2002: Chuyên viên tư vấn trong Bộ Phận Tái Cấu Trúc Các Doanh Nghiệp Nhà Nước tại Ernst & Young.

Từ năm 2006: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Temasia Capital Limited.

Từ năm 2007: Giám Đốc của quỹ đầu tư Red River Holding.

Từ năm 2008: Giám Đốc Điều Hành của công ty quản lý quỹ Jade River Management.

Đại diện của tổ chức: Quỹ đầu tư Red River Holding, hiện nắm giữ 7.142.291 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 15,15% cổ phần Công ty.

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm
Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1979

Chuyên môn: Cử nhân luật

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 9 năm

Bà Tâm hiện đang giữ nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh của Vĩnh Hoàn. Trước khi gia nhập Vĩnh Hoàn vào năm 2003, bà Tâm làm việc tại văn phòng luật YKVN. Bà Tâm giữ chức Trưởng Phòng Kinh Doanh từ năm 2006 và là Phó Tổng Giám Đốc từ năm 2008, được bổ nhiệm làm thành viên Hội Đồng Quản Trị vào năm 2007. Bà Tâm giữ vai trò điều hành hoạt động bán hàng đồng thời đóng góp tích cực cho các hoạt động đối ngoại của Vĩnh Hoàn và là cầu nối giữa nhà máy và khách hàng.

Tiến Sĩ Lê Thanh Hùng
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Năm sinh: 1953

Chuyên môn: Tiến sĩ khoa học thủy sản tại Học Viện Quốc Gia Nông Nghiệp Paris- Grignon (Pháp).

Tiến sĩ Lê Thanh Hùng hiện nay là Trưởng Khoa Thủy Sản tại trường Đại Học Nông Lâm, TPHCM. Ông đã và đang chủ trì nhiều đề tài nghiên cứu về cá tra, cá basa trong và ngoài nước. Tiến sĩ Hùng có nhiều kinh nghiệm ở cả lý thuyết và thực tiễn vô cùng phong phú về con cá tra trong tất cả các khâu giống, nuôi trồng, dinh dưỡng và thức ăn cho cá. Ông đã đào tạo nhiều chuyên viên về dinh dưỡng cho công ty Vĩnh Hoàn và tư vấn nhiều ý kiến quý giá cho việc nuôi trồng thủy sản của công ty.

● THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách Ban Kiểm Soát

- | | |
|-----------------------|------------|
| • Ông Nguyễn Văn Nghệ | Trưởng ban |
| • Bà Hồ Thanh Huệ | Thành viên |
| • Ông Nguyễn Minh Đức | Thành viên |

(Ông Nguyễn Minh Đức thay thế Ông Nguyễn Thanh Phương miễn nhiệm khỏi vị trí thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày 25/04/2011 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 25/04/2011)

Ông Nguyễn Văn Nghệ

Ông Nghệ có trình độ chuyên môn là Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

1986-1994	:	Kế toán trưởng Công ty Thơm xuất khẩu, Sở Nông nghiệp TpHCM.
1994-1999	:	Kế toán trưởng Công ty liên doanh ô tô Inchcape Sài Gòn.
1999-2000	:	Kế toán trưởng Công ty KEXIM Leasing Việt Nam
2000-2002	:	Giám đốc Công ty SUN LIGHT PC TRADING CO., LTD
2003-2005	:	Giám đốc Công ty cổ phần máy tính Việt Nam.
2005-2006	:	Giám đốc DNTN Vi Tính RAM Việt Nam
2006-hiện nay	:	Giám đốc Công ty TNHH Du Lịch Hải Việt

Bà Hồ Thanh Huệ

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư môi trường

Quá trình công tác:

2004-2006	:	Nhân viên phòng kỹ thuật Công ty Vĩnh Hoàn phụ trách môi trường.
2006-2008	:	Phó phòng quản lý chất lượng Công ty Vĩnh Hoàn
2008-Nay	:	Trưởng ban kiểm soát nội bộ, thành viên Ban kiểm soát Vĩnh Hoàn.

Ông Nguyễn Minh Đức

Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ, nghiên cứu sau tiến sỹ ngành Kinh tế ứng dụng tại trường Đại Học Auburn, USA.
Thạc sỹ ngành nuôi trồng và quản lý nguồn lợi thủy sản.
Kỹ sư ngành thủy sản

Chức vụ hiện nay : Giảng viên, Trưởng bộ môn Bộ môn quản lý và phát triển nghề cá Đại Học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011

Mức thù lao của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn được dựa trên tầm quan trọng và khối lượng công việc của từng thành viên và được thông qua Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Ngoài ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát không nhận các khoản lợi ích khác của Vĩnh Hoàn.

Trong nhiệm kỳ năm 2011, theo Nghị quyết do Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 25/4/2011, tổng thù lao cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát và thư ký Hội Đồng Quản Trị là 100.000.000 đồng/tháng cho 13 tháng, tổng cộng 1,3 tỷ đồng.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kế toán trưởng và những người có liên quan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng trong năm 2011 như sau

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ CỔ PHẦN SỞ HỮU
Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc	23.371.868	49,57%
Huỳnh Đức Trung	Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc	25.779	0,05%
Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc	26.026	0,06%
Trương Tuyết Phương	Phó Tổng Giám Đốc	25.870	0,05%
Đặng Văn Viễn	Phó Tổng Giám Đốc	21.398	0,05%
Nguyễn Thị Kim Đào	Kế toán trưởng	18.694	0,04%
Nguyễn Văn Nghệ	Thành viên BKS	5.200	0,01%
Hồ Thanh Huệ	Thành viên BKS	9.399	0,02%



Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị họp chính thức định kỳ hàng quý và thường xuyên trao đổi không chính thức qua điện thoại để cập nhật nhanh tình hình hoạt động của Công ty.

Trong năm 2011, hoạt động cụ thể của Hội Đồng Quản Trị trong việc giám sát và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Ban Giám Đốc như sau:

- Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh định kỳ hàng quý và định ra kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn kế tiếp.
- Giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch nuôi trồng, kế hoạch sản xuất do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Triển khai và giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch đầu tư vào các hạn mục về gạo, collagen, đầu tư khâu nuôi trồng, đầu tư sản xuất bao PP cho thức ăn viên, đầu tư dây chuyền sản xuất thức ăn cho cá bố mẹ và cá giống do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2011 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%/trị giá cổ phiếu.
- Quyết định và giám sát kế hoạch vay vốn trong năm 2011.
- Quyết định đối tượng và mức thưởng cho Quỹ khen thưởng vượt kế hoạch năm 2010 cho ban điều hành.

TRONG NĂM 2011, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CÁC NGHỊ QUYẾT SAU

- 1/ Nghị quyết hội đồng quản trị ngày 14 tháng 02 năm 2011 về việc thu hồi cổ phiếu ESOP của CBCNV nghỉ việc và phân phối lại cho Công đoàn Công ty.
- 2/ Nghị quyết hội đồng quản trị ngày 14 tháng 02 năm 2011 về việc chuyển loại chứng khoán từ hạn chế chuyển nhượng sang tự do chuyển nhượng.
- 3/ Nghị quyết hội đồng quản trị ngày 03 tháng 06 năm 2011 về việc chuyển 18.000.000 cổ phiếu thuộc sở hữu các thành viên cổ đông sáng lập của Công ty từ hạn chế chuyển nhượng sang tự do chuyển nhượng.
- 4/ Nghị quyết hội đồng quản trị ngày 21 tháng 07 năm 2011 về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Vĩnh Hoàn 2 và bổ nhiệm người quản lý phần vốn góp.
- 5/ Nghị quyết hội đồng quản trị ngày 15 tháng 09 năm 2011 về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Vĩnh Hoàn 3 và bổ nhiệm người quản lý phần vốn góp.
- 6/ Nghị quyết hội đồng quản trị ngày 29 tháng 09 năm 2011 về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Một thành viên Vĩnh Hoàn 4 và bổ nhiệm người quản lý phần vốn góp.
- 7/ Nghị quyết hội đồng quản trị ngày 05 tháng 09 năm 2011 về việc thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2011.
- 8/ Nghị quyết hội đồng quản trị ngày 28 tháng 11 năm 2011 về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 và bổ nhiệm người quản lý phần vốn góp.
- 9/ Nghị quyết hội đồng quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2011 về việc thu hồi cổ phiếu ESOP của CB CNV nghỉ việc và phân phối lại cho Công đoàn Công ty giai đoạn 2010-2011

Hoạt động của Ban Kiểm Soát

- Ban Kiểm Soát tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và của Ban Tổng Giám đốc, khi được yêu cầu kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc liên quan đến việc thực hiện các chiến lược, kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của Công ty;



- Kiểm tra các báo cáo tài chính định kỳ về tính tuân thủ chuẩn mực, minh bạch và tính hợp lý của các số liệu tài chính bao gồm phần báo cáo của Công ty mẹ và phần hợp nhất;
- Giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư;
- Tổ chức kiểm tra thực tế tại nhà máy và của các Công ty con;
- Kiểm soát chi phí sản xuất;
- Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông cũng như việc chấp hành luật pháp và điều lệ Công ty của Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc.

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư:

Với phương châm xây dựng hình ảnh doanh nghiệp uy tín, minh bạch và là cầu nối với nhà đầu tư, trong năm 2011 Công ty tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quan hệ nhà đầu tư thông qua các nội dung sau:

- Luôn chú trọng đến việc cung cấp thông tin đúng, đủ và cập nhật nhất, giúp nhà đầu tư hiểu sâu hơn về hoạt động của Công ty từ đó đưa ra quyết định đầu tư kịp thời.
- Xây dựng quy trình cụ thể thực hiện công tác quan hệ nhà đầu tư
- Xây dựng gói thông tin doanh nghiệp phục vụ việc trình bày, trao đổi thông tin khi tiếp xúc với nhà đầu tư, các chuyên gia phân tích.
- Tiếp tục thực hiện bản tin tổng hợp hàng tháng cung cấp cho cộng đồng nhà đầu tư thông tin giao dịch cổ phiếu VHC và thông tin cập nhật về Vĩnh Hoàn.
- Tiếp xúc và đối thoại trực tiếp với các quỹ đầu tư trong và ngoài nước, các tổ chức tài chính trung gian, các đơn vị truyền thông sự kiện.

Dữ liệu thống kê cổ đông

CỔ ĐÔNG GÓP VỐN NHÀ NƯỚC: KHÔNG CÓ

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (SỞ HỮU TỪ 5% VỐN CỔ PHẦN TRỞ LÊN)

STT	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ VỐN GÓP (%)
1	Trương Thị Lệ Khanh	384 Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, Tp.Hcm	23.371.868	49,57
2	Red River Holding	9A Tú Xương, Phường 7, Quận 3, Tp.Hcm, S.R Of Vietnam	7.142.291	15,15
3	Quý Đầu Tư Việt Nam	Lầu 12, tháp A, Vincom City Tower, 191 Bà Triệu, Hà Nội	3.892.992	8,26

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Cổ Đông Là Tổ Chức	36	18.100.421	38,39
	Trong Nước	14	6.070.152	12,87
	Nước Ngoài	22	12.030.269	25,52
2	Cổ Đông Là Cá Nhân	421	29.050.852	61,61
	Trong Nước	393	28.934.623	61,37
	Nước Ngoài	28	116.229	0,24
Tổng		457	47.151.273	100,00





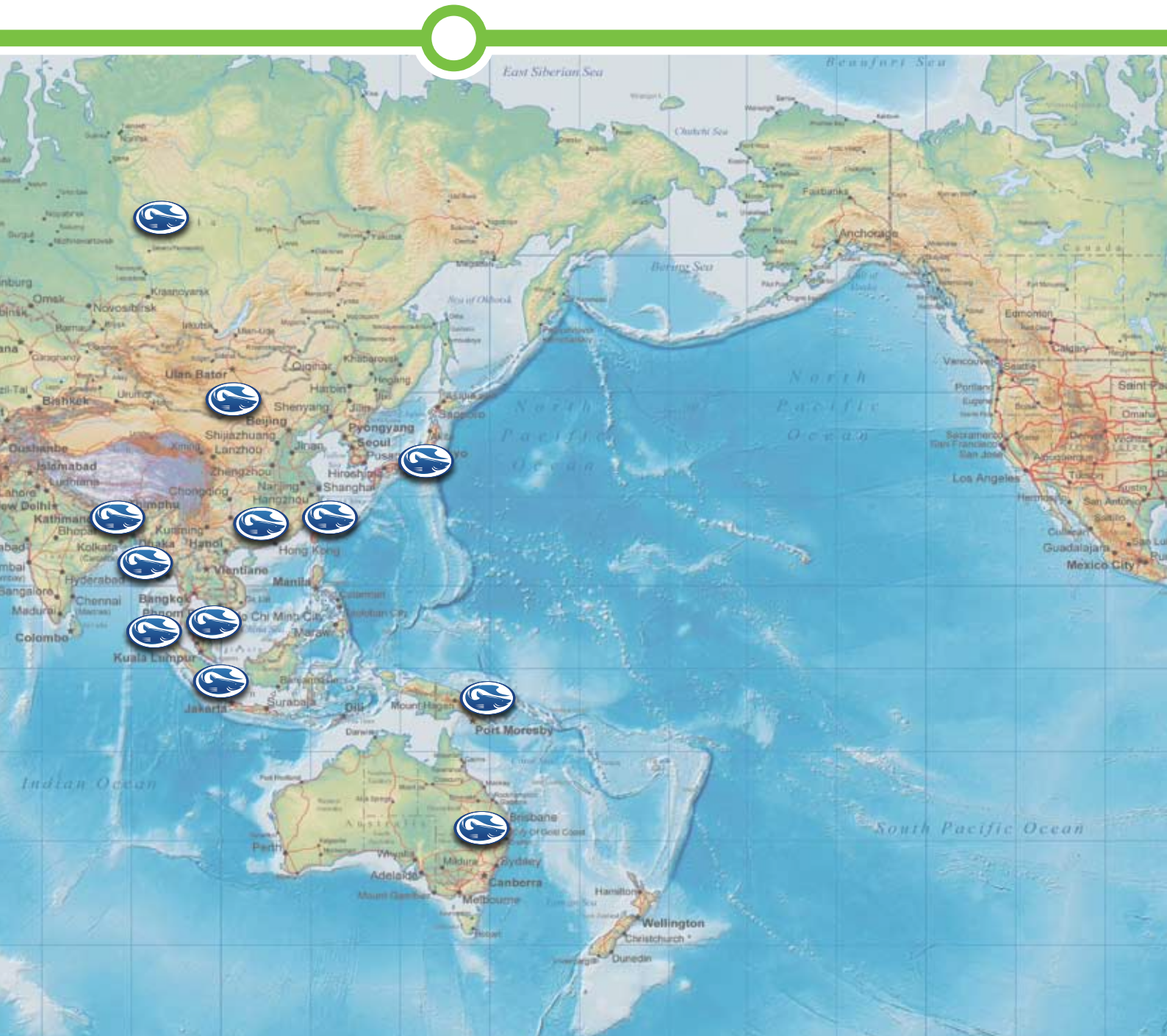
PLANET

-Hành tinh xanh

Bảo vệ môi trường tự nhiên của hệ sinh thái, phát triển trên cơ sở bảo toàn thiên nhiên, tài nguyên và quản lý các loại chất thải. Kinh doanh đối với chúng tôi gắn liền với trách nhiệm môi trường.

○ BẢN ĐỒ THỊ TRƯỜNG





○ BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2011 là năm thành công rực rỡ của Vĩnh Hoàn về lợi nhuận và tăng trưởng. Doanh thu tăng 36% và lợi nhuận tăng 84%.

Trên phương diện ngành, Vĩnh Hoàn tiếp tục dẫn đầu ngành cá tra, cá basa và đứng thứ hai trong các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam (sau Công Ty Minh Phú chuyên sản xuất và xuất khẩu tôm).

DANH SÁCH 10 DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU THỦY SẢN HÀNG ĐẦU VIỆT NAM (NGUỒN: VASEP)

STT	DOANH NGHIỆP	NGÀNH HÀNG	GIÁ TRỊ (TRIỆU USD)
1	MINH PHÚ	Tôm	348,8
2	VĨNH HOÀN	Cá tra	150,7
3	HÙNG VƯƠNG	Cá tra	123,5
4	QUỐC VIỆT	Tôm	102,4
5	STAPIMEX	Tôm	98
6	FIMEX VN	Tôm	86,6
7	AGIFISH	Cá tra	84
8	ANVIFISH	Cá tra	83,1
9	PHƯƠNG NAM	Tôm	74
10	CASES	Tôm	74



Các chỉ số tài chính

KHẢ NĂNG SINH LỜI

Tỷ suất lợi nhuận công ty đạt tỷ lệ khá cao. Tỷ suất lợi nhuận gộp có giảm trong năm 2011 so với năm 2010 tuy nhiên do công ty quản lý tốt phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp nên tỷ suất lợi nhuận thuần lại cải thiện so với năm 2010. Riêng tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu tăng trưởng rất ấn tượng trong năm 2011.

CHỈ SỐ	VHC -2009	VHC- 2010	VHC-2011
Tỷ suất lợi nhuận gộp	16,32%	19,52%	17,64%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	8,70%	8,90%	11,70%
Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản	14,15%	12,82%	18,65%
Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu	37,48%	27,12%	36,19%



KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Vĩnh Hoàn không có nhiều rủi ro về khả năng thanh toán do chỉ số thanh toán hiện thời đều lớn hơn 1 qua các năm.

CHỈ SỐ	VHC -2009	VHC- 2010	VHC-2011
Tỷ số thanh toán hiện thời	1,48	1,58	1,69
Tỷ số thanh toán nhanh	0,94	0,72	0,90

CƠ CẤU VỐN

Cơ cấu vốn của Vĩnh Hoàn khá an toàn. Năm 2011, tỷ lệ nợ phải trả chỉ chiếm 46 % tổng tài sản, trong vay và nợ ngắn hạn chỉ chiếm 26%.

Chỉ số	VHC -2009	VHC- 2010	VHC-2011
Tổng nợ/vốn chủ sở hữu	1,29 lần	0,89 lần	0,88 lần
Tổng nợ/tổng tài sản	0,55 lần	0,46 lần	0,46 lần
Nợ vay/ tổng tài sản	0,40 lần	0,24 lần	0,55 lần
Nợ dài hạn/vốn chủ sở hữu	0,33 lần	0,10 lần	0,05 lần
Nợ dài hạn/tổng tài sản	0,14 lần	0,05 lần	0,02 lần

○ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG

CHỈ SỐ	VHC -2009	VHC- 2010	VHC-2011
EPS	4.613	4.573	8.389
PE	11,7	6,5	3,3
Giá sổ sách (Book value)	15.333 VND	19.999 VND	26.362 VND

KHẢ NĂNG TĂNG TRƯỞNG

CHỈ SỐ	VHC -2009	VHC- 2010	VHC-2011
Tăng trưởng doanh thu thuần	13,46%	8,60%	36,35%
Tăng trưởng lợi nhuận ròng	141,41%	10,77%	84%
Tăng trưởng tổng tài sản	24,78%	20,17%	31,11%

Doanh thu - Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất

Đơn vị tính: tỷ đồng

	DOANH THU 2010	CƠ CẤU 2010	DOANH THU 2011	CƠ CẤU 2011
Doanh thu bán hàng hóa	384	13%	150	4%
Doanh thu bán thành phẩm	2.278	76%	3.200	78%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28	1%	47	1%
Doanh thu bán nguyên vật liệu	25	1%	262	6%
Doanh thu phế phẩm	306	10%	454	11%
Tổng	3.009	-	4.103	-

Cơ cấu thị trường xuất khẩu

THỊ TRƯỜNG	2010	2011
Mỹ	40%	46%
Châu Âu	35%	28%
Úc	8%	5%
Hồng Kông	7%	7%
Nga	1%	0,7%
Thị trường khác	9%	13,3%

Mỹ và Châu Âu duy trì là hai thị trường chính chiếm hơn 70% thị phần xuất khẩu của công ty qua nhiều năm.

Cơ cấu chi phí

Công ty đặt trọng tâm trong việc kiểm soát chi phí và sử dụng tối đa nguồn lực một cách hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí.

CHỈ TIÊU	NĂM 2010	NĂM 2011
Giá vốn hàng bán	80,14%	82,13%
Chi phí bán hàng	6,95%	4,28%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,85%	1,34%
Chi phí hoạt động tài chính	2,91%	2,72%
Tổng cộng	91,58%	90,47%

Thay đổi về vốn chủ sở hữu

Trong năm, công ty không có thay đổi vốn điều lệ:

Tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2011: 471.512.730.000 VNĐ.

Thống kê cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu của công ty tại ngày 31/12/2011

	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273	47.151.273
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	47.151.273	47.151.273
- <i>Chi phí hoạt động tài chính</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.198.750	1.052.820
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.198.750	1.052.920
- <i>Chi phí hoạt động tài chính</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523	46.098.353
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	45.952.523	46.098.353
- <i>Chi phí hoạt động tài chính</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ.

Trong giai đoạn cuối năm 2010 đầu năm 2011, công ty có tiến hành mua cổ phiếu quỹ với chi tiết như sau

NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỔNG LƯỢNG CỔ PHIẾU LƯU HÀNH
Số lượng cổ phiếu quỹ được công ty mua lại (từ 10/11/2010 đến 10/2/2011)	1.198.750 cổ phiếu	45.952.523

Đầu năm 2012, công ty phát hành cổ phiếu ESOP giai đoạn 2010-2011 cho cán bộ công nhân viên nhằm khuyến khích nhân tài và giữ chân cán bộ có năng lực. Số lượng phát hành là 360.000 cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Tỷ lệ cổ tức năm 2011 theo đại hội cổ đông thông qua là tối thiểu 25% bằng tiền mặt. Ngày 28 tháng 10 năm 2011, công ty đã thực hiện việc tạm ứng cổ tức năm 2011 cho các cổ đông theo tỷ lệ 15% bằng tiền mặt.

● BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm 2011

CÁC CHỈ TIÊU VỀ DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

Chế biến thủy sản

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2011	KẾ HOẠCH 2011	MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH
Doanh thu	3.485	3.000	116%
Tổng lợi nhuận trước thuế	424	290	146%

Nhà máy thức ăn thủy sản

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2011	KẾ HOẠCH 2011	MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH
Doanh thu	1.461	1.200	122%
Lợi nhuận sau thuế	50	80	62%
Lợi nhuận phân bổ cho công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	35	56	

Kết quả hợp nhất

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2011	THỰC HIỆN NĂM 2011	THỰC HIỆN NĂM 2010	MỨC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG	MỨC ĐỘ VƯỢT KẾ HOẠCH
Doanh thu		4114	3021	136%	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	250	394	214	184%	158%



○ KẾ HOẠCH NĂM 2012

Công ty kính trình đại hội đồng cổ đông thông qua chỉ tiêu năm 2012 như sau:

Kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận năm 2012:

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2012
Doanh thu từ chế biến thủy sản	3.500
Doanh thu từ nhà máy thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	1.500
Doanh thu từ nhà máy gạo Vĩnh Hoàn 2	95
EBITDA (Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao)	450
Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	350
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	250

KẾ HOẠCH KINH DOANH

- Kim ngạch xuất khẩu: 150 triệu USD;
- Thị trường: đa dạng hóa thị trường đặc biệt là ở phân khúc trung bình;
- Sản phẩm: phát triển hàng giá trị gia tăng, hàng có chứng nhận và các sản phẩm từ phụ phẩm.

KẾ HOẠCH TIẾP THỊ

- Quảng bá thương hiệu để khách hàng nhận diện sự khác biệt của chất lượng sản phẩm Vĩnh Hoàn với hoạt động nuôi trồng và chế biến thân thiện với môi trường;
- Chủ động tổ chức và tham gia các chiến dịch truyền thông bảo vệ hình ảnh cá tra Việt Nam.

KẾ HOẠCH NUÔI TRỒNG

- Tăng thêm 300ha diện tích trại nuôi cá tra và cá giống trong năm 2012-2013;
- Đạt chứng nhận ASC về nuôi trồng cá tra.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

- Quản lý sản xuất hiệu quả, tiết kiệm chi phí và cải thiện năng suất;
- Sản xuất đúng tiến độ giao hàng;
- Tuân thủ và duy trì các hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, IFS hiện hành;

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

- Đầu tư nhà máy gạo Vĩnh Hoàn 2 với tổng kinh phí dự kiến 150 tỷ đồng trong năm 2012;
- Đầu tư nhà máy gạo Vĩnh Hoàn 3 trong năm 2014 với tổng kinh phí dự kiến giai đoạn 1 là 200 tỷ đồng;
- Đầu tư nhà máy sản xuất Collagen trong năm 2012 - 2013 với tổng kinh phí dự kiến 200 tỷ đồng;
- Đầu tư cho khâu nuôi trồng dự kiến 200 tỷ đồng trong hai năm 2012-2013 cho diện tích nuôi cá tra tăng thêm;
 - Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Vĩnh Hoàn 4 công suất 100 tấn nguyên liệu/ngày với tổng kinh phí dự kiến 200 tỷ đồng trong năm 2014.



○ BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. PHẠM VI KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2011

1. Đánh giá tính tuân thủ luật pháp và các quy định liên quan đến ngành đối với hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc và các quản lý có liên quan trong việc điều hành hoạt động của doanh nghiệp.
2. Xem xét và đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong năm liên quan đến việc thực hiện các chiến lược, kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của Công ty năm 2011 đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
3. Kiểm tra các báo cáo tài chính định kỳ (của Công Ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn, Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Thủy Sản Vĩnh Hoàn 1, Vĩnh Hoàn USA Inc.) để đánh giá tính hợp lý, minh bạch của các số liệu tài chính;

II. PHƯƠNG PHÁP KIỂM SOÁT

- Tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc theo quý và theo yêu cầu;
- Xem xét các tài liệu, báo cáo của các bên liên quan;
- Khảo sát thực tế tại nhà máy, bộ phận nuôi, nhà máy thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1, Vĩnh Hoàn (USA) Inc.;
- Tham gia đóng góp ý kiến cho Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc.

III. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc công ty

Năm 2011 có thể được đánh giá là một năm kinh tế toàn cầu suy thoái và đầy rủi ro với những cuộc khủng hoảng nợ công làm đồng euro suy yếu, sự bất ổn chính trị của các nước Trung Đông, Bắc Phi, sự phục hồi chậm chạp của nền kinh tế Mỹ. Tuy nhiên với sự chỉ đạo sâu sát của Hội Đồng Quản Trị và sự nỗ lực của Ban Giám Đốc công ty trong việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả là các chỉ tiêu tài chính đã được hoàn thành vượt mức kế hoạch được đề ra trong năm 2011.

Các hoạt động quản lý và điều hành công ty của Hội Đồng Quản Trị và các cấp lãnh đạo hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật và các luật lệ có liên quan.

Các cuộc họp diễn ra nhằm xem xét và đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, thảo luận các vấn đề của Vĩnh Hoàn đã được Đại Hội Cổ Đông năm 2010 đề ra, thảo luận các vấn đề về cải tiến bộ máy quản lý, nhân sự, cập nhật tiến độ các dự án đầu tư.

Các vấn đề thảo luận và các quyết định của Hội Đồng Quản Trị phù hợp chức năng và quyền hạn của Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Trong năm 2011 Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc công ty đã đề ra và tổ chức thực hiện các chiến lược đúng đắn nhằm nâng cao thương hiệu của công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường, đa dạng hóa hàng hóa, giúp công ty có thể phát triển ổn định và bền vững như sau:

Đối với hoạt động nuôi trồng:

- Các đối tượng nuôi trồng gồm có: cá tra, cá chẻm và tôm thẻ chân trắng
- Mở rộng diện tích vùng ương giống đến 48ha, số lượng giống có thể cung cấp là 60 triệu con giống
- Tăng diện tích vùng nuôi, sản lượng nguyên liệu tự cung cấp, giúp nâng cao chất lượng nguyên liệu, giảm phụ thuộc vào các mối nguy bên ngoài về sản lượng, giá cả và chất lượng nguyên liệu.
- Duy trì việc áp dụng các tiêu chuẩn Aqua Gap và Global Gap, đạt chứng nhận BAP



● BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đối với hoạt động sản xuất

- Thành lập công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5, khởi công xây dựng phân xưởng sản xuất Collagen thực nghiệm tại Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp.
- Thành lập công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2 và Vĩnh Hoàn 3 hoạt động trong lĩnh vực lúa gạo, nhằm mở rộng loại hình kinh doanh.
- Thành lập công ty TNHH 1 Thành viên Vĩnh Hoàn 4 chế biến thủy sản, nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm.
- Kiểm soát chi phí thông qua việc tăng năng suất, giảm định mức, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguyên vật tư.

Đối với người lao động và cộng đồng: chú trọng đến các chính sách nâng cao lợi ích người lao động: phát gạo cho người nghèo, hỗ trợ xây dựng nhà cho công nhân nghèo, cấp học bổng cho trường học tại địa phương, hỗ trợ học bổng cho con công nhân viên nghèo học đại học,...

Nghiên cứu phát triển bền vững

- Nghiên cứu ủ bùn thải từ đáy ao, bùn thải của hệ thống xử lý nước thải thành phân bón hữu cơ.
- Hỗ trợ dự án SUPA- Quản lý chất thải từ ao nuôi cá tra ở ĐBSCL để cải tiến FCR và giảm ô nhiễm môi trường.



Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra báo cáo tài chính năm 2011 của Công Ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn và thống nhất xác nhận kết quả kiểm toán.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Mặc dù đối mặt với các khó khăn về kinh tế trong nước và trên khắp thế giới từ 3 năm qua, với hoạt động điều hành hiệu quả của Ban Lãnh Đạo, cùng với những nỗ lực không ngừng của cán bộ, nhân viên công ty, tiếp nối năm 2010 thành công vượt kế hoạch đề ra, Vĩnh Hoàn tiếp tục có một năm 2011 thành công hơn nữa, một lần nữa khẳng định được vị thế và thương hiệu của công ty trong và ngoài nước.

Ban Kiểm Soát có một số kiến nghị như sau cho năm 2012

- Tiếp tục thực hiện chương trình kiểm soát chi phí sản xuất.
- Lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng đội ngũ cán bộ quản lý đủ năng lực để đáp ứng việc mở rộng sản xuất kinh doanh qua lãnh vực lúa gạo và collagen.
- Có chương trình thu hút lao động phổ thông tại các địa phương của các công ty được thành lập một cách hiệu quả đáp ứng tiến độ đưa vào hoạt động sản xuất.
- Tiếp tục thực hiện chương trình tiếp thị, quảng bá hình ảnh.



Từ năm 2006, Vĩnh Hoàn bắt đầu thực hiện chiến lược phát triển bền vững bằng việc áp dụng và đạt chứng chỉ ISO 14001 về hệ thống quản lý môi trường (Environmental Management System). Cho đến nay chiến lược này đã trở thành một trong những yêu cầu tất yếu cùng với tiêu chí an toàn thực phẩm và khả năng truy xuất. Là một trong những nhà xuất khẩu cá Tra/Basa hàng đầu của Việt Nam, Vĩnh Hoàn đảm bảo quá trình sản xuất và hoạt động chung của công ty không gây ra tác động xấu đến môi trường.



GREEN FARM

Green Farm là chương trình nuôi có kiểm soát của Vĩnh Hoàn, được ra đời vào giữa năm 2007 với những “thông điệp xanh” dựa trên tiêu chuẩn nuôi quốc tế AquaGAP:

- Quan tâm đến yếu tố cộng đồng và đời sống của người công nhân.
- Bảo vệ môi trường, gìn giữ màu xanh.
- Cá được nuôi SẠCH và KHỎE, đảm bảo an toàn thực phẩm, hướng tới nuôi cá không sử dụng kháng sinh
- Đảm bảo nuôi cá có kiểm soát và truy xuất chính xác.

AQUAGAP

AQUAGAP là một tiêu chuẩn về thực hành nuôi tốt áp dụng cho cá tra.

AQUAGAP do tổ chức IMO (Institute For Marketecology) của Thụy Sĩ chứng nhận.

AQUAGAP quy định các nguyên tắc thực hành nuôi dựa trên các bốn yếu tố chính sau:

- Yếu tố cộng đồng
- Yếu tố môi trường
- An toàn thực phẩm
- Khả năng truy xuất

GLOBAL GAP

Vĩnh Hoàn là công ty duy nhất chính thức được xác nhận về sự chuẩn hoá mô hình nuôi cá tra theo tiêu chuẩn GlobalGAP cho toàn bộ chuỗi giá trị từ trại giống, vùng nuôi, nhà máy thức ăn và nhà máy chế biến bởi tổ chức chứng nhận quốc tế BUREAU VERITAS CERTIFICATION (BVC). Sự chứng nhận về tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu này đánh dấu thêm một bước tiến quan trọng của Vĩnh Hoàn trên định hướng xây dựng mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững.

GlobalGap là tiêu chuẩn nuôi thủy sản toàn diện, đáp ứng được các tiêu chí về luật pháp, trách nhiệm xã hội, an toàn thực phẩm, khả năng truy xuất và phát triển bền vững.



2011



2012

ASC

Nhằm nâng cao mối quan tâm về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, Vĩnh Hoàn bắt đầu áp dụng thêm tiêu chuẩn ASC, do tổ chức WWF đề xướng thông qua PAD (Pangasius Aquaculture Dialogue). PAD là chương trình thảo luận về nuôi trồng cá Tra/Basa được tổ chức thông qua các cuộc họp thường kỳ giữa các cơ quan nhà nước, đại diện của nhà máy sản xuất, người nuôi nhằm đưa ra những tiêu chuẩn đo lường phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững cho cá Tra/Basa.

Các nghiên cứu mới về bảo vệ môi trường

Năm 2011, Vĩnh Hoàn kết hợp với trường đại học bước đầu nghiên cứu ủ thành công phân hữu cơ vi sinh từ bùn xử lý nước thải của nhà máy đông lạnh. Điều này có ý nghĩa to lớn trong việc thực hiện chính sách bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Nguồn bùn thải sẽ được tái xử lý thành phân hữu cơ, dùng bón cho cây trồng các loại. Dự kiến đến giữa năm 2012 sẽ tiến hành thực nghiệm sử dụng phân vi sinh này cho một số loại cây trồng để đánh giá tính ứng dụng của sản phẩm.



31142

+ 3542.5

+ 1352.14

+ 2100.36

+ 854.94

7761.67

=====
38992.44

PROFIT

-Tối ưu lợi nhuận

Sử dụng tối ưu các nguồn lực và khai thác chuỗi giá trị, quản lý tốt chi phí với chiến lược kinh doanh đúng đắn nhằm tạo ra lợi nhuận tối đa cho công ty trên cơ sở đảm bảo sự hài hòa sự phát triển của công ty gắn liền với lợi ích cộng đồng và bảo vệ môi trường cho thế hệ tương lai.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MỤC LỤC

- 77 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 80 BÁO CÁO KIỂM TOÁN
- 81 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- 84 CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- 85 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
- 86 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
- 88 BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
- 114 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

○ BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400112623 ngày 17 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Thay đổi lần 01 ngày 11 tháng 02 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Thay đổi lần 02 ngày 04 tháng 6 năm 2010 và lần 03 ngày 01 tháng 11 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ.
- Thay đổi lần 04 ngày 27 tháng 12 năm 2010 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 471.512.730.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại : (84 - 67) 3891 166
Fax : (84 - 67) 3891 672
E-mail : vh@vinhhoan.com.vn
Mã số thuế : 1400112623

Các đơn vị trực thuộc

TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ
Chi nhánh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại TP. Hồ Chí Minh	569-571-573 (lầu 8,9) Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn là

- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản;
- Chế biến thức ăn thủy sản;
- Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản;
- Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản);
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái;
- Sản xuất bao bì giấy, in bao bì các loại;
- Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản;
- Xây xát thóc lúa, đánh bóng gạo;
- Mua bán, xuất nhập khẩu gạo;
- Nhập khẩu, mua bán phân bón;
- Mua bán nông sản nguyên liệu và sơ chế.

Công ty con

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	GIẤY PHÉP THÀNH LẬP	TỶ LỆ PHẦN SỞ HỮU
Công ty cổ phần thực ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	Số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.	69,8%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2 , Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	Số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 do Bang California, Hoa Kỳ cấp.	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	Số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.	98,6%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Doanh thu và lợi nhuận năm nay của Tập đoàn đều tăng so với năm trước do giá bán và sản lượng bán tăng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 40).

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2011 và tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2011 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 05 tháng 9 năm 2011 như sau

Trích quỹ khen thưởng	10.701.748.000 VND
Trích quỹ phúc lợi	4.280.699.000 VND
Trích quỹ khen thưởng vượt kế hoạch cho Ban điều hành	4.000.000.000 VND
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2011	68.928.784.500 VND
Cộng	87.911.231.500 VND

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	01 tháng 4 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	25 tháng 4 năm 2011
Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên	25 tháng 4 năm 2011	-

Ban kiểm soát

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
Ông Nguyễn Văn Nghệ	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	25 tháng 4 năm 2011
Bà Hồ Thanh Huệ	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	25 tháng 4 năm 2011	-

○ BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỒ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Đặng Văn Viễn	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Trương Tuyết Phương	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho các Công ty trong Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng các Công ty trong Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 4 năm 2012

● BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Số: 0461/2012/BCTC-KTTV

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn và các công ty con (danh sách các Công ty con được trình bày tại thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0327/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2012

○ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,758,324,324,568	1,180,827,088,551
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	329,424,956,877	126,419,394,330
1.	Tiền	111		312,924,956,877	103,419,394,330
2.	Các khoản tương đương tiền	112		16,500,000,000	23,000,000,000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		219,548,828	37,562,972,164
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	219,548,828	37,562,972,164
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		563,618,091,194	345,314,077,746
1.	Phải thu khách hàng	131	V.3	485,307,767,483	333,366,537,831
2.	Trả trước cho người bán	132	V.4	74,542,924,504	12,922,329,731
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.5	6,321,388,552	3,056,076,828
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(2,553,989,345)	(4,030,866,644)
IV.	Hàng tồn kho	140		823,256,429,259	642,317,455,278
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	868,752,372,217	657,405,301,010
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(45,495,942,958)	(15,087,845,732)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		41,805,298,410	29,213,189,033
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1,211,599,259	821,149,166
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12,668,355,903	15,975,180,965
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	608,007,853	537,381,441
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	27,317,335,395	11,879,477,461

● BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		649,295,263,719	641,259,325,478
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		565,799,074,719	588,797,962,752
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	488,277,285,379	527,681,392,368
	Nguyên giá	222		764,893,969,470	722,995,848,063
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(276,616,684,091)	(195,314,455,695)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.13	62,944,217,450	48,226,156,602
	Nguyên giá	228		64,917,368,601	49,692,887,301
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,973,151,151)	(1,466,730,699)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	14,577,571,890	12,890,413,782
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.15	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	Lợi thế thương mại	269		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		83,496,189,000	52,461,362,726
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	55,010,935,960	27,180,901,134
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	5,908,168,386	8,848,344,103
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.18	22,577,084,654	16,432,117,489
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,407,619,588,287	1,822,086,414,029

○ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1,100,805,436,737	836,972,067,754
I.	Nợ ngắn hạn	310		1,039,047,348,989	746,457,409,480
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	633,578,126,990	352,351,393,210
2.	Phải trả người bán	312	V.20	129,537,953,983	99,195,986,814
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.21	6,850,285,852	577,547,162
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	33,507,008,178	33,391,496,069
5.	Phải trả người lao động	315	V.23	38,523,008,346	30,177,526,068
6.	Chi phí phải trả	316	V.24	16,224,971,652	7,933,634,694
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	116,642,164,422	168,538,948,671
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	34,000,000,000	34,550,000,000
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	30,183,829,566	19,740,876,792
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		61,758,087,748	90,514,658,274
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.28	58,942,312,000	88,869,872,693
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.29	2,815,775,748	1,644,785,581
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,243,040,928,148	936,000,963,008
I.	Vốn chủ sở hữu	410		1,243,040,928,148	936,000,963,008
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	471,512,730,000	471,512,730,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.30	190,492,000,000	191,808,000,000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414	V.30	(36,897,215,355)	(32,725,310,618)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.30	3,991,224,376	1,799,344,642
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.30	-	136,774,604
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.30	613,942,189,127	303,469,424,380
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C-	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.31	63,773,223,402	49,113,383,267
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,407,619,588,287	1,822,086,414,029

● CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		15,136,082.68	5,656,325.53
Euro (EUR)		307.06	438.09
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

○ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011



Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4,114,059,871,210	3,021,654,856,536
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	10,082,120,795	12,479,934,277
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	4,103,977,750,415	3,009,174,922,259
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3,379,843,860,523	2,421,857,449,478
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		724,133,889,892	587,317,472,781
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	100,706,640,272	67,838,069,858
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	112,362,907,329	88,143,238,643
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		70,432,324,955	44,772,283,092
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	176,671,765,955	210,928,260,566
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	55,803,209,398	86,913,426,339
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		480,002,647,482	269,170,617,091
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	15,690,621,480	4,435,838,681
12.	Chi phí khác	32	VI.8	15,599,006,406	725,465,889
13.	Lợi nhuận khác	40		91,615,074	3,710,372,792
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		480,094,262,556	272,880,989,883
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	64,179,718,736	50,540,560,566
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	2,940,175,717	(6,235,120,500)
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		412,974,368,103	228,575,549,817
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		18,631,417,568	14,540,577,687
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		394,342,950,535	214,034,972,130
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	8,389	4,573

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

● BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		480,094,262,556	272,880,989,883
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13	83,403,731,998	73,685,227,992
-	Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	28,931,219,927	(1,703,155,040)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	5,503,447,698	8,982,681,278
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(19,436,697,147)	(10,621,338,599)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	70,432,324,955	44,772,283,092
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		648,928,289,987	387,996,688,606
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(221,919,329,809)	(42,762,670,800)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(196,708,620,121)	(302,343,541,741)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		25,788,277,884	163,424,043,657
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(27,689,476,737)	(7,432,997,671)
-	Tiền lãi vay đã trả	13	V.24, VI.4	(69,562,038,493)	(45,219,335,672)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(60,328,667,862)	(34,972,830,296)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1,259,150,260	157,646,000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(21,232,705,467)	(8,603,706,717)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		78,534,879,642	110,243,295,366
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, V.13, V.14, VII	(121,397,054,282)	(109,751,050,341)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	13,383,013,868	160,454,545
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37,127,931,302)	(34,697,256,415)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		74,484,730,350	12,434,284,251
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10,000,000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	19,584,085,491	8,975,526,226
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(51,073,155,875)	(122,868,041,734)

○ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.30	-	126,960,000,000
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.30	(5,487,904,737)	(32,725,310,618)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	2,362,514,113,407	1,193,093,765,419
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19, V.28	(2,110,674,323,676)	(1,359,196,261,558)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.30	(68,915,736,000)	(25,850,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		177,436,148,994	(71,893,656,757)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		204,897,872,761	(84,518,403,125)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	126,419,394,330	209,967,674,177
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1,892,310,214)	970,123,278
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	329,424,956,877	126,419,394,330

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 3 năm 2012



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

● BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ :** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh :** Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản); Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; Sản xuất bao bì giấy, in các loại; Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
- Tổng số các công ty con :** 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 03
- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	69,8%	69,8%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2 , Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	100%	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	98,6%	98,6%

- Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm**
Doanh thu và lợi nhuận năm nay của Tập đoàn đều tăng so với năm trước do giá bán và sản lượng bán tăng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mục và Chế độ kế toán áp dụng**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mục kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mục và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

● BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011



4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

LOẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	SỐ NĂM
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty cổ phần Vinh Hoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Vinh Hoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. **Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ** Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2010 :	18.932 VND/USD
	31/12/2011 :	20.828 VND/USD

20. **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

21. **Tài sản tài chính**

Phân loại tài sản tài chính

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Tập đoàn phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả.

● BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	2.262.458.395	4.991.498.222
Tiền gửi ngân hàng	304.562.498.482	87.041.765.338
Tiền đang chuyển	6.100.000.000	11.386.130.770
Các khoản tương đương tiền (*)	16.500.000.000	23.000.000.000
Cộng	329.424.956.877	126.419.394.330

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng. Trong đó, số tiền 16.500.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp

2. Đầu tư ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm	219.548.828	32.197.256.415
Cho Ông Phan Ngọc Ân vay	-	5.365.715.749
Cộng	219.548.828	37.562.972.164

○ BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

3. Phải thu khách hàng

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	199.968.042.605	149.395.587.811
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	13.167.335.726	36.854.446.317
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	272.172.389.152	147.116.503.703
Cộng	485.307.767.483	333.366.537.831

4. Trả trước người bán

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	60.475.846.820	12.808.234.185
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	2.257.799.138	114.095.546
Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	11.809.278.546	-
Cộng	74.542.924.504	12.922.329.731

5. Các khoản phải thu khác

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	-	2.066.879.098
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền ủy thác xuất khẩu	4.823.682.529	-
Các khoản phải thu khác	1.497.706.024	989.197.730
Cộng	6.321.388.553	3.056.076.828

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ).

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	4.030.866.644
Hoàn nhập trong năm	(1.476.877.299)
Số cuối năm	2.553.989.345

7. Hàng tồn kho

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Hàng mua đang đi đường	19.450.224.909	192.983.833.928
Nguyên liệu, vật liệu	126.938.625.860	158.607.701.186
Công cụ, dụng cụ	3.107.842.478	2.591.995.474
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	321.343.498.323	207.797.886.346
Thành phẩm	353.505.848.292	83.491.197.528
Hàng hóa	63.204.912	486.130.764
Hàng gửi đi bán	44.343.127.444	11.446.555.784
Cộng	868.752.372.217	657.405.301.010

○ BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Nguyên liệu, vật liệu	-	337.367.454
Công cụ, dụng cụ	-	22.003.532
Thành phẩm	45.495.942.958	14.728.474.746
Cộng	45.495.942.958	15.087.845.732

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	15.087.845.732
Trích lập dự phòng bổ sung	30.408.097.226
Số cuối năm	45.495.942.958

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Công cụ, dụng cụ	1.025.330.134	821.149.166
Chi phí sửa chữa	186.269.125	-
Cộng	1.211.599.259	821.149.166

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	-	5.684.687
Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa	608.007.853	531.696.754
Cộng	608.007.853	537.381.441

11. Tài sản ngắn hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tạm ứng	25.174.915.795	11.190.533.994
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.142.419.600	688.943.467
Cộng	27.317.335.395	11.879.477.461

○ BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ QUẢN LÝ	CỘNG
Nguyên giá					
Số đầu năm	281.924.894.926	422.398.368.510	16.285.634.584	2.386.950.043	722.995.848.063
Tăng trong năm	9.412.355.685	40.123.225.373	4.198.086.087	154.870.318	53.888.537.463
<i>Mua sắm mới</i>	2.242.212.500	24.362.148.946	4.198.086.087	64.220.000	30.866.667.533
<i>Đầu tư xây dựng hoàn thành</i>	4.511.848.725	15.761.076.427	-	18.592.042	20.291.517.194
<i>Tăng khác</i>	2.658.294.460	-	-	72.058.276	2.730.352.736
Thanh lý, nhượng bán	(11.701.105.131)	(289.310.925)	-	-	(11.990.416.056)
Số cuối năm	279.636.145.480	462.232.282.958	20.483.720.671	2.541.820.361	764.893.969.470
<i>Trong đó:</i>					
Khấu hao hết nhưng còn sử dụng	3.101.877.767	49.103.277.342	1.833.058.745	500.772.980	54.538.986.834
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	37.430.970.248	150.953.454.892	5.847.268.087	1.082.762.468	195.314.455.695
Tăng trong năm	19.701.080.183	59.950.639.599	2.901.583.272	527.718.284	83.081.021.338
<i>Khấu hao trong năm</i>	19.534.936.831	59.950.639.599	2.901.583.272	510.151.844	82.897.311.546
<i>Tăng khác</i>	166.143.352	-	-	17.566.440	183.709.792
Thanh lý, nhượng bán	(1.503.213.188)	(275.579.754)	-	-	(1.778.792.942)
Số cuối năm	55.628.837.243	210.628.514.737	8.748.851.359	1.610.480.752	276.616.684.091
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	244.493.924.678	271.444.913.618	10.438.366.497	1.304.187.575	527.681.392.368
Số cuối năm	224.007.308.237	251.603.768.221	11.734.869.312	931.339.609	488.277.285.379
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 464.535.733.094VND và 284.715.120.479VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

○ BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY TÍNH	CỘNG
Nguyên giá			
Số đầu năm	48.943.591.501	749.295.800	49.692.887.301
Mua trong năm	16.476.381.300	-	16.476.381.300
Thanh lý, nhượng bán	(1.251.900.000)	-	(1.251.900.000)
Số cuối năm	64.168.072.801	749.295.800	64.917.368.601
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	412.078.460	412.078.460
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	994.510.321	472.220.378	1.466.730.699
Khấu hao trong năm	381.861.408	124.559.044	506.420.452
Số cuối năm	1.376.371.729	596.779.422	1.973.151.151
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	47.949.081.180	277.075.422	48.226.156.602
Số cuối năm	62.791.701.072	152.516.378	62.944.217.450

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 22.568.847.901 VND và 21.192.476.172 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	SỐ ĐẦU NĂM	CHI PHÍ PHÁT SINH TRONG NĂM	KẾT CHUYỂN VÀO TSCĐ TRONG NĂM	KẾT CHUYỂN GIẢM KHÁC	SỐ CUỐI NĂM
Mua tài sản cố định	5.610.388.946	6.015.863.241	(11.448.322.499)	-	177.929.688
Xây dựng cơ bản dở dang	6.547.843.680	19.345.958.700	(8.912.419.695)	(2.581.740.483)	14.399.642.202
Chi phí ao nuôi cá	3.453.548.173	10.309.397.024	(6.500.769.500)	(2.050.732.301)	5.211.443.396
Công trình Nhà xưởng Công ty TNHH Vĩnh Hoàn 2		6.839.513.839			6.839.513.839
Các công trình khác	3.094.295.507	2.197.047.837	(2.411.650.195)	(531.008.182)	2.348.684.967
Chi phí sửa chữa	732.181.156	2.890.047.102	-	(3.622.228.258)	-
Cộng	12.890.413.782	28.251.869.043	(20.360.742.194)	(6.203.968.741)	14.577.571.890

● BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

15. Đầu tư vào công ty con

TÊN CÔNG TY	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ	TỶ LỆ LỢI ÍCH VÀ QUYỀN BIỂU QUYẾT	
			SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾	Sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản	100.000.000.000 VND	69,8%	69,8%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱⁱ⁾	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	499,912.00 USD	100%	100%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	50.000.000.000 VND	98,6%	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 52.500.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 52.003.709.506 VND, tương đương 69,8% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 là 49.300.000.000 VND, tương đương 98,6% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 25.500.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 là 23.800.000.000 VND.

Ngoài ra, trong năm 2011 Công ty quyết định thành lập các Công ty con: Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 và Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5. Việc góp vốn vào các Công ty trên sẽ được thực hiện trong năm 2012.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	SỐ ĐẦU NĂM	TĂNG TRONG NĂM	PHÂN BÒ VÀO CHI PHÍ TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác	13.389.380.876	36.396.541.440	(6.699.170.986)	43.086.751.330
Tiền thuê đất	13.791.520.258	313.320.520	(2.180.656.148)	11.924.184.630
Cộng	27.180.901.134	36.709.861.960	(8.879.827.134)	55.010.935.960

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau

Số đầu năm	8.848.344.103
Phát sinh trong năm	5.908.168.386
Hoàn nhập trong năm	(8.848.344.103)
Số cuối năm	5.908.168.386

● BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Vay ngắn hạn ngân hàng	627.278.126.990	346.351.393.210
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(a)	19.616.660.608	29.400.329.580
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	413.791.466.382	118.151.063.630
- Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp ^(c)	177.370.000.000	198.800.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(d)	16.500.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số V.28)	6.300.000.000	6.000.000.000
Cộng	633.578.126.990	352.351.393.210

^(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên vật liệu trong kho của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 với trị giá 80 tỷ đồng và bảo lãnh của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trị giá 40 tỷ đồng.

^(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, chiết khấu bộ chứng từ, bao thanh toán có truy đòi đối với các khoản phải thu, bảo lãnh và phát hành thư tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà máy thủy sản Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn – phân xưởng 1 và 2). Khoản vay của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 được bảo lãnh bởi Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trị giá 200 tỷ đồng.

^(c) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (nhà máy thủy sản Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn – phân xưởng 3) và hàng tồn kho.

^(d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng này.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

Số đầu năm	352.351.393.210
Số tiền vay phát sinh	2.362.514.113.407
Số kết chuyển	6.300.000.000
Giảm do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	(540.616.644)
Số tiền vay đã trả	(2.087.046.762.983)
Số cuối năm	633.578.126.990

20. Phải trả người bán

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	102.462.910.783	60.502.117.769
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	25.533.766.826	38.443.228.295
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	1.541.276.374	250.640.750
Cộng	129.537.953.983	99.195.986.814

21. Người mua trả tiền trước

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	6.157.619.827	577.547.162
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	692.666.025	-
Cộng	6.850.285.852	577.547.162

● BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ PHẢI NỘP TRONG NĂM	SỐ ĐÃ NỘP TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	5.055.235.454	(5.055.235.454)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	(5.684.687)	28.771.335.110	(28.765.216.715)	433.708
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(531.696.754)	6.875.267.905	(6.951.579.004)	(608.007.853)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.105.222.039	58.896.603.096	(60.328.667.862)	31.673.157.273
Thuế thu nhập cá nhân	286.274.030	3.304.739.982	(1.757.596.815)	1.833.417.197
Thuế nhà đất	-	442.068.489	(442.068.489)	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	32.854.114.628	103.351.250.036	(103.306.364.339)	32.899.000.325

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Thủy sản xuất khẩu	0%
- Thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
- Thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.
- Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

Các loại thuế khác

Các Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

24. Chi phí phải trả

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí lãi vay	870.286.462	-
Chi phí phải trả cho luật sư	-	4.545.261.990
Chi phí vận chuyển	13.436.945.692	47.710.000
Chi phí khác	1.917.739.498	3.340.662.704
Cộng	16.224.971.652	7.933.634.694

● BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Kinh phí công đoàn	2.598.818.514	1.693.839.082
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.106.300.846	554.638.042
Cổ tức phải trả	58.448.500	45.400.000
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	2.134.179.135	-
Phải trả Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	108.101.129.232	-
Phải trả Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - thu hộ tiền hàng	712.250.000	-
Các khoản phải trả khác	1.931.038.195	166.245.071.547
Cộng	116.642.164.422	168.538.948.671

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến POR 8.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	19.740.876.792
Trích quỹ trong năm	20.761.916.810
Tăng khác	1.455.102.414
Chi quỹ trong năm	(11.774.066.450)
Số cuối năm	30.183.829.566

28. Vay và nợ dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	23.627.560.693
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(a)	58.942.312.000	65.242.312.000
Cộng	58.942.312.000	88.869.872.693

^(a) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với lãi suất 17,3%/năm để đầu tư dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	6.300.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	58.942.312.000
Tổng nợ	65.242.312.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

Số đầu năm	88.869.872.693
Số đã trả trong năm	(23.627.560.693)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(6.300.000.000)
Số cuối năm	58.942.312.000

● BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.644.785.581
Số trích lập bổ sung	1.357.469.167
Số đã chi	(186.479.000)
Số cuối năm	2.815.775.748

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 41.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Cổ tức đã chi trả như sau:	
Trả cổ tức năm trước	-
Tạm ứng cổ tức (15% mệnh giá)	68.915.736.000
Cộng	68.915.736.000

Cổ phiếu

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273	47.151.273
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	47.151.273	47.151.273
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750	1.052.920
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.198.750	1.052.920
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523	46.098.353
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	45.952.523	46.098.353
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND.

31. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Số đầu năm	49.113.383.267
Lợi nhuận trong năm	15.224.002.265
Trừ lợi nhuận đã chia	(3.375.000.000)
Trừ lợi nhuận chưa thực hiện năm nay	(2.999.851.073)
Cộng lợi nhuận chưa thực hiện năm trước	6.407.266.376
Giảm do điều chỉnh quỹ khác	(59.177.550)
Giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(537.399.883)
Số cuối năm	63.773.223.402

● BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng doanh thu	4.114.059.871.210	3.021.654.856.536
- Doanh thu bán hàng hóa	150.647.105.711	384.268.817.325
- Doanh thu bán thành phẩm	3.200.551.732.280	2.278.324.239.904
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.696.566.522	28.094.162.374
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	261.885.273.833	24.855.854.162
- Doanh thu phế phẩm	454.279.192.864	306.111.782.771
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(10.082.120.795)	(12.479.934.277)
- Giảm giá hàng bán	(194.985.077)	(632.572.009)
- Hàng bán bị trả lại	(9.887.135.718)	(11.847.362.268)
Doanh thu thuần	4.103.977.750.415	3.009.174.922.259
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	149.647.737.606	381.415.752.278
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	3.191.468.979.590	2.268.697.370.674
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	46.696.566.522	28.094.162.374
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	261.885.273.833	24.855.854.162
- Doanh thu thuần phế phẩm	454.279.192.864	306.111.782.771

2. Giá vốn hàng bán

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn của hàng hóa	88.907.863.261	334.276.333.337
Giá vốn của thành phẩm	2.668.180.140.999	1.820.788.662.319
Giá vốn của nguyên vật liệu	250.471.612.615	23.492.808.079
Giá vốn của phế phẩm	341.876.146.421	249.033.667.427
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	30.408.097.226	(5.734.021.684)
Cộng	3.379.843.860.523	2.421.857.449.478

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.775.777.911	8.965.265.242
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	734.496.609	718.119.508
Lãi cho vay	1.295.663.299	1.745.165.082
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	2.711.747.271	2.894.152.247
Lãi bán hàng trả chậm	6.445.765.183	7.331.795.056
Lãi trái phiếu	-	4.275.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	149.216.049	1.424.859.241
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	79.593.973.950	44.754.438.482
Cộng	100.706.640.272	67.838.069.858

● BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

4. Chi phí tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí lãi vay	70.432.324.955	44.772.283.092
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.652.663.747	10.407.540.519
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	36.277.918.627	32.963.415.032
Cộng	112.362.907.329	88.143.238.643

5. Chi phí bán hàng

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nhân viên	4.631.178.736	4.387.496.983
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	491.208.550	50.720.919
Chi phí khấu hao TSCĐ	95.922.422	80.631.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.915.731.779	141.251.032.393
Chi phí khác	71.537.724.468	65.158.378.491
Cộng	176.671.765.955	210.928.260.566

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nhân viên	24.433.865.276	17.198.579.488
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.177.747.316	916.489.754
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.487.760.721	3.468.337.070
Thuế, phí và lệ phí	1.275.951.197	1.334.223.179
Chi phí dự phòng	(1.865.509.133)	4.030.866.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.490.565.599	3.199.519.022
Chi phí khác	17.802.828.423	56.765.411.183
Cộng	55.803.209.398	86.913.426.339

7. Thu nhập khác

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	13.383.013.868	160.454.545
Thu nhập khác	2.307.924.197	4.275.384.136
Cộng	15.690.938.065	4.435.838.681

8. Chi phí khác

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	11.463.523.114	253.821.270
Chi phí khác	4.135.483.292	471.644.619
Cộng	15.599.006.406	725.465.889

○ BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.679.817.377.557	1.957.599.487.941
Chi phí nhân công	245.171.303.310	171.067.446.434
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.652.432.785	76.326.472.962
Chi phí dịch vụ mua ngoài	420.409.826.305	353.199.929.333
Chi phí khác	152.757.184.205	179.429.355.111
Cộng	3.577.808.124.162	2.737.622.691.781

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	394.342.950.535	214.034.972.130
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	394.342.950.535	214.034.972.130
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	47.008.246	46.802.593
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.389	4.573

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	47.151.273	32.568.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm từ lợi nhuận chưa phân phối	-	11.823.273
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	2.468.330
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(143.027)	(57.010)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	47.008.246	46.802.593

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các Công ty trong Tập đoàn có công nợ về mua sắm tài sản cố định như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	5.556.016.428	1.265.153.137
Ứng trước mua tài sản cố định	57.904.666.107	7.742.441.410

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Tập đoàn cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.5 đến VIII.9 dưới đây.

○ BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn do Tập đoàn chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Mua nguyên vật liệu	27.282.976.720	17.269.270.350
Bán hàng hóa	134.500.518	391.457.455
Các cá nhân có liên quan		
Mua nguyên vật liệu	23.998.026.080	19.770.975.350
Bán hàng hóa	395.769.521	597.656.409

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	19.663.800.251	5.619.908.455
Các cá nhân có liên quan	1.478.594.520	93.385.000
Cộng nợ phải thu	21.142.394.771	5.713.293.455

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 5.494.797.974 VND (năm trước là 3.328.852.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

○ BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa các Công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Mua hàng hóa, dịch vụ	24.076.706.994	260.639.683.819
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu ⁽¹⁾	62.564.304.481	151.551.634.391
Bán hàng hóa, dịch vụ	813.283.780	3.704.348.584
Bán thành phẩm	5.505.499.385	143.212.396.613
Cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu	4.000.292.627	13.425.203.991
Giá trị hàng ủy thác xuất khẩu	17.880.756.127	-
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Bán thành phẩm	273.935.407.400	108.701.115.080
Bán nguyên vật liệu, hàng hóa	6.740.279.632	1.365.559.278
Cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu	42.088.374.769	14.537.926.442
Mua nguyên vật liệu	53.211.608.968	7.281.395.152
Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu ⁽¹⁾	579.235.689.198	156.686.284.266
Cho vay	31.057.500.000	-
Lãi cho vay	409.528.560	-

⁽¹⁾ Giá trị hàng nhận xuất khẩu ủy thác cho các Công ty có liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng, tiền hàng ủy thác xuất khẩu	4.823.682.529	1.079.294.941
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu	163.276.785	18.405.206.907
Cộng nợ phải thu	4.986.959.314	19.484.501.848
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	2.134.179.135	65.161.572.388
Phải trả tiền hàng	2.692.462.513	-
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	108.101.129.232	99.820.646.049
Ứng trước tiền hàng	691.236.000	-
Phải trả tiền thu hộ	712.250.000	-
Cộng nợ phải trả	114.331.256.880	164.982.218.437

○ BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của các Công ty trong Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Xuất khẩu	3.002.328.336.781	2.308.816.677.868
Trong nước	1.101.661.596.535	700.358.244.391
Cộng	4.103.989.933.316	3.009.174.922.259

Các Công ty trong Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay chỉ nằm trong lĩnh vực kinh doanh là nuôi trồng, sản xuất, chế biến thủy hải sản và thức ăn thủy sản.

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Từ 01 năm trở xuống	317.574.030	302.648.718
Trên 01 năm đến 05 năm	942.380.088	1.061.562.168
Trên 05 năm	1.454.819.357	1.608.435.371
Cộng	2.714.773.475	2.972.646.257

○ BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	GIÁ TRỊ SỔ SÁCH		GIÁ TRỊ HỢP LÝ	
	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	329.424.956.877	126.419.394.330	329.424.956.877	126.419.394.330
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	219.548.828	32.197.256.415	219.548.828	32.197.256.415
Phải thu khách hàng	482.753.778.138	329.335.671.187	482.753.778.138	329.335.671.187
Các khoản cho vay	-	5.365.715.749	-	5.365.715.749
Các khoản phải thu khác	56.215.808.601	31.367.671.778	56.215.808.601	31.367.671.778
Cộng	868.614.092.444	524.685.709.459	868.614.092.444	524.685.709.459
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	692.520.438.990	441.221.265.903	692.520.438.990	441.221.265.903
Phải trả cho người bán	129.537.953.983	99.195.986.814	129.537.953.983	99.195.986.814
Phải trả người lao động	38.523.008.346	30.177.526.068	38.523.008.346	30.177.526.068
Chi phí phải trả	16.224.971.652	7.933.634.694	16.224.971.652	7.933.634.694
Các khoản phải trả khác	153.457.940.170	204.733.734.252	153.457.940.170	204.733.734.252
Cộng	1.030.264.313.141	783.262.147.731	1.030.264.313.141	783.262.147.731

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Các Công ty trong Tập đoàn đã thế chấp tiền gửi ngân hàng, khoản phải thu khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh V.10) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh V.11) để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp cho các Ngân hàng như sau:

TÀI SẢN THẾ CHẤP	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền gửi ngân hàng	16.500.000.000	32.000.000.000
Phải thu khách hàng	-	40.000.000.000
Hàng tồn kho	257.370.000.000	147.195.031.320
Nhà cửa, vật kiến trúc	135.572.873.701	85.587.020.683
Máy móc, thiết bị	147.050.037.843	89.890.768.939
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.092.208.935	2.921.256.571
Quyền sử dụng đất	21.192.476.172	13.151.976.773
Cộng	579.777.596.651	410.746.054.286

○ BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Các khoản nợ phải trả của Tập đoàn thường là ngắn hạn và rất ít nên rủi ro thanh khoản rất thấp.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	TỪ 01 NĂM TRỞ XUỐNG	TRÊN 01 NĂM ĐẾN 05 NĂM	TRÊN 05 NĂM	CỘNG
Số cuối năm				
Vay và nợ	633.578.126.990	58.942.312.000	-	692.520.438.990
Phải trả người bán	129.537.953.983	-	-	129.537.953.983
Phải trả người lao động	38.523.008.346	-	-	38.523.008.346
Chi phí phải trả	16.224.971.652	-	-	16.224.971.652
Các khoản phải trả khác	150.642.164.422	2.815.775.748	-	153.457.940.170
Cộng	968.506.225.393	61.758.087.748	-	1.030.264.313.141
Số đầu năm				
Vay và nợ	352.351.393.210	88.869.872.693	-	441.221.265.903
Phải trả người bán	99.195.986.814	-	-	99.195.986.814
Phải trả người lao động	30.177.526.068	-	-	30.177.526.068
Chi phí phải trả	7.933.634.694	-	-	7.933.634.694
Các khoản phải trả khác	203.088.948.671	1.644.785.581	-	204.733.734.252
Cộng	692.747.489.457	90.514.658.274	-	783.262.147.731

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

● BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm 2011

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn đánh giá không có rủi ro ngoại tệ đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 3 năm 2012



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

● BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	THẶNG DỰ' VỐN CỔ PHẦN	CÓ PHIẾU QUỸ	CHÉNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI	QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	CỘNG
Số dư đầu năm nay	325.680,000,000	92.448,000,000	-	861,407,971	136,774,604	223,193,216,695	642,319,399,270
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(15,526,034,445)	(15,526,034,445)
Tặng vốn do phát hành cổ phiếu thường cho nhân viên	9,422,100,000	-	-	-	-	(9,422,100,000)	-
Tặng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	108,810,630,000	-	-	-	-	(108,810,630,000)	-
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	27,600,000,000	99,360,000,000	-	-	-	-	126,960,000,000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(32,725,310,618)	-	-	-	(32,725,310,618)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	214,034,972,130	214,034,972,130
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	-	937,936,671	-	-	937,936,671
Số dư cuối năm trước	471,512,730,000	191,808,000,000	(32,725,310,618)	1,799,344,642	136,774,604	303,469,424,380	936,000,963,008
Số dư đầu năm nay	471,512,730,000	191,808,000,000	(32,725,310,618)	1,799,344,642	136,774,604	303,469,424,380	936,000,963,008
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(1,316,000,000)	-	-	-	-	(1,316,000,000)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(4,171,904,737)	-	-	-	(4,171,904,737)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	394,342,950,535	394,342,950,535
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(20,224,516,927)	(20,224,516,927)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	-	-	-	-	5,283,115,639	5,283,115,639
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(68,928,784,500)	(68,928,784,500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo	-	-	-	2,191,879,734	-	-	2,191,879,734
Giảm khác	-	-	-	-	(136,774,604)	-	(136,774,604)
Số dư cuối năm nay	471,512,730,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	3,991,224,376	-	613,942,189,127	1,243,040,928,148

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 3 năm 2012



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Value

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Quốc lộ 30, Phường 11, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: (84.67) 3891166 - (84.67) 3891663 - (84.67) 3891664
Fax: (84.67) 3891062
Email: vh@vinhhoan.com.vn
Website: www.vinhhoan.com.vn

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lầu 8-9, 569- 571- 573 Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Kho, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 38364849 - (84.8) 38365058
Fax: (84.8) 38365090
Email: vh@vinhhoan.com.vn
Website: www.vinhhoan.com.vn

Value
Added
Products

Barramundi
Fillet

Basa Burger

Sai Gon
Palm box

Pangasius Fish
Wrapped in
Potato

Barramundi
Flame Grill

Pangasius Block

Breaded
Pangasius

Air Bladder

Pangasius Loins

Panga Topped With
Potato Mousse

Pangasius
Belly Meat